

# LƯỢC THUẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

## Trần Trung Chính

Mọi việc xảy ra đều có nguyên nhân (Everything happens for a reason), đây cũng là nguyên lý của học thuyết NHÂN – QUẢ của Phật Giáo. Cũng có thể hiểu rằng trên cõi đời này không có điều gì tự nhiên xảy ra cả : khởi đầu là NHÂN – DUYÊN – QUẢ. Người đời vì thiếu sự sáng suốt không thấy DUYÊN mà chỉ thấy QUẢ nên vội vàng cho rằng tự nhiên xảy ra.

Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt trên 45 năm qua, hầu như tất cả các tài liệu liên quan đến chiến tranh Việt Nam đều được các nhà nghiên cứu dẫn chứng, tuy nhiên số lượng thì nhiều (nghĩa là ĐẦY) nhưng không ĐỦ, mặt khác các tài liệu này có tính cách cục bộ và riêng lẻ nên người đọc thiếu một cái nhìn toàn cảnh của cuộc chiến.

Bài viết này được người viết định danh là LƯỢC THUẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI vì người viết chỉ nêu những nét lớn và những nét chính, bỏ qua các chi tiết cụ thể và cũng không đào sâu phân tích vấn đề như các sử gia thường làm.

Bài viết này cũng đề cập sơ qua về THẾ GIỚI SỬ có liên quan đến Việt Nam để độc giả trước đây đã biết nhiều về “hiện tượng chính trị” của các phe phái có thể lực tranh chấp nhau tại chiến trường Việt Nam nay sẽ hiểu biết thêm về “bản chất chính trị” của các đại cường chi phối đến nước Việt Nam của chúng ta và cả Đông Nam Á Châu sau này.

Kiểu viết sử theo lề lối RẬP KHUÔN kiểu Việt Cộng sẽ không được người viết tham khảo (thậm chí còn bị áp dụng phương thức “xem qua rồi bỏ vào thùng rác”), người viết cũng không hoàn toàn dẫn chứng hay viện dẫn các tài liệu được xem là “giải mật” của các thư tịch Hoa Kỳ vì người viết nhận ra rằng có rất nhiều điều họ (chính phủ Mỹ hoặc các thế lực đen tối thao túng chính trường Hoa Kỳ) cố tình dấu kín hoặc ém nhẹm vĩnh viễn, thí dụ điển hình nhất là vụ việc Tổng Thống John F. Kennedy bị ám sát từ tháng 11 năm 1963 mà cho đến nay 2021 vẫn không ai biết sự thực là những gì .

Người viết phân chia bài LƯỢC THUẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM này qua 5 thập niên lịch sử :

GIAI ĐOẠN MỘT : thời gian từ 1945 đến 1955

GIAI ĐOẠN HAI : thời gian từ 1955 đến 1965

GIAI ĐOẠN BA : thời gian từ 1965 đến 1975

GIAI ĐOẠN BỐN : thời gian từ 1975 đến 1995

GIAI ĐOẠN NĂM : thời gian từ 1995 đến 2020

Ngày 9-3-1945, quân đội Nhật đảo chính quân đội Pháp tại Đông Dương, mục đích chính là cắt đường tiếp liệu cho quân đội THQG qua tuyến đường xe lửa Hải Phòng – Hà Nội – Vân Nam. Một số lớn quân nhân Pháp tại quân khu Lạng Sơn đã chạy sang Quảng Châu. Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, thành quả chính trị lớn nhất mà Thủ Tướng Trần Trọng Kim đạt được là ông đã yêu cầu Tướng Tư Lệnh Quân Đội Nhật tại Đông Dương chấp thuận đặt Nam Kỳ Thuộc Địa vào trong chính phủ của ông quản trị. Khi Hoa Kỳ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, chính phủ Trần Trọng Kim (qua bộ trưởng Hoàng Xuân Hãn) đã tiếp xúc với đại diện Việt Minh để bàn giao chính quyền, nhưng phía Việt Minh nhất quyết cướp chính quyền chứ không bàn giao êm thấm (Xem hồi ký MỘT CƠN GIÓ BỤI của Trần Trọng Kim và tới năm 2015 người nhà của học giả Hoàng Xuân Hãn mới phát hiện một bức thư viết tay của Thủ Tướng Trần Trọng Kim gửi riêng cho ông Hoàng Xuân Hãn mà mãi tới năm 2015 mới được tìm thấy)

Chính những điều tiết lộ của Thủ Tướng Trần Trọng Kim đã khiến cho bọn CSVN không cho hồi ký của ông tái xuất bản, nhưng VNCH đã xuất bản quyển hồi ký từ cuối thập niên 1960 và nhờ kỹ thuật scan của internet, nguyên bản tập hồi ký này đã tái xuất hiện.

Mang tính chủ quan, người viết tin rằng vào thời điểm 1945, cả nước Việt Nam chỉ có 2 người biết rõ hiềm họa Hồ chí Minh, đó là Thủ Tướng Trần Trọng Kim và ông Ngô Đình Nhu. Thủ Tướng Trần Trọng Kim đã viết sách để lưu lại hậu thế, Ông Ngô Đình Nhu thì không viết sách, nhưng thái độ ứng xử của ông cho chúng ta biết là ông quá rành rẽ thủ đoạn và mưu mô của Hồ chí Minh. Khoác dưới danh nghĩa cướp chính quyền từ tay Nhật – Pháp để dành độc lập nhưng thực chất là tiến chiếm quyền lực để thực hiện ý đồ XÍCH HÓA toàn cõi Đông Dương theo ý muốn của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản.

Nhận xét của người viết là vào thời điểm 1945, bản thân Hồ chí Minh và các lãnh tụ của CSVN cũng không hiểu biết gì nhiều về các đại cường. Vào những năm 1942, 1943, 1944, 1945 các lãnh tụ của Anh như Thủ Tướng Churchill, lãnh tụ của Hoa Kỳ như Tổng Thống Roosevelt, lãnh tụ của Liên Xô như Chủ Tịch Stalin, lãnh tụ của Trung Hoa Dân Quốc như Tổng Tài Tưởng Giới Thạch đã họp bàn kế hoạch tấn công phe trục và phân chia thế giới sau khi Thế Chiến chấm dứt. Những cuộc họp thượng đỉnh của các lãnh tụ phe Đồng Minh đã diễn ra tại Cairo, Teheran, Yalta (từ ngày 4 đến ngày 11 tháng 2 năm 1945) và hậu thế đã trông thấy hình ảnh các lãnh tụ chụp lưu niệm trong các sách báo và sách học về Thế Giới Sử tại các thư viện và các trường trung học. Tuy nhiên nội dung các cuộc họp chung và nội dung các cuộc họp tay đôi giữa 2 lãnh tụ Anh – Mỹ thì không thấy được nhắc tới.

Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu khi dịch quyển NO MORE VIETNAMS của Richard Nixon vào năm 1988 tại trại tỵ nạn Phanat Nikhom đã nói với tôi rằng chính cựu Tổng Thống Richard Nixon không hề nhắc nhở đến nội dung cuộc họp tay đôi giữa Tổng Thống Roosevelt và Thủ Tướng Churchill (có thể ông Nixon không được biết hoặc ông không cho là quan trọng trong tiến trình hình thành thế giới sau đệ nhị thế chiến). Tổng Thống Roosevelt nói với Thủ Tướng Churchill rằng nguyên nhân chính của Thế Chiến thứ 2 là những nước Đức, Ý, Nhật là những quốc gia phát triển kỹ nghệ, nhưng họ không có được nguyên vật liệu cần thiết, họ cũng không có nguồn nhiên liệu mới như dầu hỏa và khí đốt, lại càng không có thị trường tiêu thụ các sản phẩm của họ vì Anh, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha...chiếm thuộc địa hết cả rồi. Chúng ta (Anh – Mỹ) hợp lực cùng Liên Xô đánh bại phe Trục nhưng phải giải quyết vấn đề CHỦ NGHĨA THỰC DÂN và CHẾ ĐỘ THUỘC ĐỊA.

Tổng Thống Roosevelt đưa ra giải pháp : thay vì mở ra cuộc chiến tranh giữ lại thuộc địa với tổn phí về tiền bạc nhân lực và thì giờ rất hao tổn, nước Anh nên trao trả độc lập cho các thuộc địa, từng bước giúp đỡ họ bằng các chương trình huấn luyện nhân sự cho guồng máy cai trị và lãnh đạo, đồng thời viện trợ cho các xứ tân lập ấy vào các chương trình xây dựng hạ tầng cơ sở và xây dựng cơ cấu cũng như các định chế chính trị tài chánh cần thiết. Sau này có muốn mua nguyên vật liệu và nhiên liệu của họ cũng dễ dàng hơn. Thủ Tướng Churchill và chính giới của Anh nghe theo lời khuyên chí lý đó, nên sau đệ nhị thế chiến, Đế Quốc Anh trở thành KHỐI THỊNH VƯỢNG CHUNG (COMMONWEALTH) và khởi động chương trình COLOMBO giúp đỡ huấn luyện các sinh viên của các thuộc địa cũ.

Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu nói, không may cho nước Pháp (và cũng không may cho cả Việt Nam) vì chính phủ của Thống Chế Pétain đầu hàng Đức Quốc Xã và nước Pháp bị chiếm đóng , nên các thủ lĩnh các đại cường không mời đại diện của chính phủ Vichy. Tướng Charles De Gaulle cầm đầu Phong Trào Pháp Tự Do có quân đội tham chiến ở chiến trường Bắc Phi và Trung Đông, nhưng Phong Trào Pháp Tự Do không được xem là chính phủ hợp pháp đại diện cho nước Pháp. Do đó những gì Đế Quốc Anh đã thực hiện đối với các thuộc địa của họ thì hoàn toàn khác hẳn những gì Đế Quốc Pháp làm sau này !

**1/ GIAI ĐOẠN 1 (thời gian từ 1945 đến 1955)** : chính vì không biết gì về sự phân chia ranh giới giữa các đại cường cũng như không hiểu biết gì về Công Pháp Quốc Tế nên Hồ chí Minh bác bỏ lời yêu cầu của Thủ Tướng Trần Trọng Kim (bàn giao chính quyền) mà Hồ chí Minh cướp chính quyền rồi tự gọi là Cộng Sản làm cuộc Cách Mạng tháng 8/ 1945. Tới ngày 2 tháng 9/1945, Hồ chí Minh đọc diễn văn trước vườn hoa Ba Đình tự coi là Tuyên Ngôn Độc Lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, nhưng xét kỹ đó chỉ là những lời “tự xưng” và “tự xưng” vì không có quốc gia nào công nhận hết cả !!! Chứng minh : khi quân Anh -Ấn (có quân Pháp đi theo) vào Sài Gòn giải giới quân Nhật thì chính phủ VNDCCH không hề dám lên tiếng phản đối (dù chỉ là phản đối trên văn bản). Hay ngay cả quân THQG của tướng Lư Hán và tướng Tiêu Văn từ Quảng Đông tiến vào Hà Nội và quân của tướng Trương Phát Khuê tiến từ Vân Nam vào miền Bắc, chính phủ của Hồ chí Minh cũng không hề dám lên tiếng phản đối. Phải chăng Hồ chí Minh tự biết rằng cái gọi là Chính Phủ VNDCCH không có giá trị gì đối với quân Anh - Ấn – Pháp ở phía nam vĩ tuyến 16 và quân của các tướng Lư Hán – Tiêu Văn – Trương Phát Khuê tại phía Bắc vĩ tuyến 16 ! (hay là nếu có hó hé phản đối thì sẽ bị các ông tư lệnh quân ngoại nhập bắt giết hay bắt giam vì phá rối công cuộc “giải giới” quân đội Nhật bị bại trận của họ ? )

Như chúng ta đã biết, Hồ chí Minh bị mật vụ của Quốc Dân Đảng Trung Hoa giam giữ khá lâu trong nhà tù của tỉnh Quảng Châu, khoảng năm 1943, thủ lĩnh của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội là ông Nguyễn Hải Thần bảo lãnh Hồ chí Minh ra khỏi nhà tù Quảng Châu với Long Tế Quang (tỉnh trưởng Quảng Đông) để thêm nhân lực chống Nhật. Khi quân đội THQG sang VN giải giới quân đội Nhật, Thống Chế Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho Đại Tướng Hà Ứng Khâm (lúc đó là Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội THQG) phải dẹp tan bọn Cộng Sản.. Nhóm an ninh phản gián của quân khu Quảng Đông thì đâu có lạ lòng gì Hồ chí Minh nên Hồ chí Minh bắt buộc phải thành lập chính phủ liên hiệp có Nguyễn Tường Tam, Chu Bá Phượng, Huỳnh Thúc Kháng...để các tướng Trung Hoa báo cáo cho cấp trên của họ là đã có các đảng phái quốc gia tham chính chứ không phải chính quyền VN chỉ thuần túy do Đảng Cộng Sản nắm quyền điều khiển. Dĩ nhiên muốn được báo cáo thuận lợi mà không bị tướng Hà Ứng Khâm khiển trách, các tướng Lư Hán, Tiêu Văn và Trương Phát Khuê đã được Hồ chí Minh hối lộ bằng vàng (qua tuần lễ vàng mà người ta được biết là riêng cá nhân bà Cát Hanh Long đã hiến tặng trên 5,000 lượng

vàng). Chúng ta có thể kết luận không sai là nếu không có số vàng quyên góp này thì Hồ chí Minh đã bị quân đội THQG vô hiệu hóa rồi.

Nước Pháp không có quyền tự tiện vào Đông Dương nên phía Nam vĩ tuyến 16, Tướng Lecler đem 10,000 quân Pháp vào Sài Gòn sau liên quân Anh Ấn (do Tướng Gracey chỉ huy) vài ngày, rồi sau đó Hồ chí Minh ký Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, lúc đó quân đội Pháp mới dám di chuyển ra Bắc, trong khi các lãnh tụ đảng phái quốc gia không hay biết gì hết.

Thời gian từ 1946 đến 1950, chiến tranh giữa Việt Minh và Pháp vẫn ở mức độ cù cưa qua lại không rõ ràng. Năm 1949 vì có vũ khí đạn dược và lương thực từ đạo quân Quan Đông của Nhật đóng tại Mãn Châu của Nhật (01 triệu người) do quân Liên Xô giải giới quân Nhật rồi trao lại cho quân đội của Mao Trạch Đông, phe quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch bị thua phải chạy qua Đài Loan, thì tình hình chiến sự tại Triều Tiên và Việt Nam sôi động hẳn lên.

Hồ chí Minh ký Hiệp Định Sơ Bộ để mời quân Pháp ra Bắc với mục đích là đẩy quân THQG về nước. Sau những cuộc va chạm giữa quân đội Pháp và quân đội THQG tại miền Bắc VN, chính phủ Pháp phải cử một đặc sứ đi Trùng Khánh thuyết phục chính phủ Trùng Khánh đem quân Trung Hoa rút về nước. Chính phủ Trùng Khánh đồng ý vì lúc đó quân của Mao Trạch Đông nhờ Liên Xô chuyển số vũ khí của đạo quân Quan Đông (01 triệu binh sĩ) đóng tại Mãn Châu nên quân Tưởng Giới Thạch đang bị thua trên mặt trận các tỉnh phía Bắc Trung Hoa. Quân Trung Hoa rút đi rồi, Hồ chí Minh liền ra tay tàn sát các đảng viên các đảng phái quốc gia vừa mới liên hiệp với ông ta khiến một số lớn bị giết hại như ông Lý Đông A của Duy Dân Quốc Đảng, Trương Tử Anh của Đại Việt Quốc Dân Đảng, ông Phan Văn Hòa (một sáng lập viên của Đại Việt Quốc Dân Đảng), một số chạy sang Trung Hoa như ông Nguyễn Tường Tam, ông Nguyễn Tường Long, Trần Văn Tuyên... một số còn lại bỏ chiến khu trở về thành phố ra cộng tác với Pháp.

Năm 1960, luật sư Trần Văn Tuyên mời 3 luật sư Phạm Nam Sách, Nguyễn Hữu Hiệu và Lê Ngọc Chấn sang văn phòng của ông để chỉ bảo cho 3 đàn em về cả kinh nghiệm chính trị và kinh nghiệm nghề nghiệp. Luật sư Trần Văn Tuyên có nhắc lại giai đoạn lịch sử đầy rối ren này. Năm 1946, luật sư Trần Văn Tuyên và ông Nghiêm Kế Tổ có đến nhà ông Nguyễn Tường Tam ở Quảng Châu (lúc đó ông Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long vừa mới qua đời vì đứt mạch máu não trên chuyến xe lửa từ Liễu Châu về Quảng Châu), Luật Sư Trần Văn Tuyên vặn hỏi ông Nguyễn Tường Tam là tại sao anh biết Hồ chí Minh sẽ tiêu diệt anh em Quốc Dân Đảng mà anh lại nhận lời làm Bộ Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp? Ông Nguyễn Tường Tam trả lời là ông muốn cái tên Nguyễn Tường Tam đi vào lịch sử là Bộ Trưởng Ngoại Giao của chính phủ đầu tiên sau khi dành độc lập từ thực dân Pháp.

Cả 2 ông Trần Văn Tuyên và Nghiêm Kế Tổ im lặng ra về nhưng từ đó Việt Nam Quốc Dân Đảng không còn ủng hộ ông Nguyễn Tường Tam nữa, điển hình là vào năm 1948, Hoàng Đế Bảo Đại được người Pháp ủng hộ kêu gọi các đảng phái quốc gia thành lập chính phủ, ông Nguyễn Tường Tam từ chối không tham gia. Luật Sư Trần Văn Tuyên nói ông Nguyễn Tường Tam không tham gia vì VNQDD không còn ủng hộ ông nữa. Lý do viện dẫn của ông Nguyễn Tường Tam không được êm xuôi cho lắm: ông Tam nói ông không muốn cộng tác với thực dân Pháp nghe không ổn vì cộng tác với thực dân Pháp ông đâu có bị người Pháp bắt giữ hay thủ tiêu, trong khi chính ông biết Hồ chí Minh và CSVN sẽ loại trừ người Quốc Gia mà ông vẫn cộng tác đó sao?

Luật Sư Trần Văn Tuyên còn cho biết Hồ chí Minh “thí “cho những người quốc gia 70 ghế đại biểu trong Quốc Hội là bịp bợm và vi hiến vì trong bản Hiến Pháp không có điều khoản nào qui định Chủ tịch nước VNDCCH ban cho những người quốc gia 70 ghế mà không thông qua bầu cử. Việc nhận lời của người quốc gia cũng là một sự “khờ khạo” tới mức ngu xuẩn của các lãnh tụ chính trị. Luật Sư Trần Văn Tuyên nói nếu tất cả các đảng phái chính trị của người quốc gia đồng loạt bất hợp tác với Hồ chí Minh thì các tướng Lư Hán, Tiêu Văn và Trương Phát Khuê bắt buộc phải tuân lệnh của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch và Đại Tướng Hà Ứng Khâm rồi (Đại Tướng Hà Ứng Khâm đang là Tổng Tham MƯu Trưởng của quân đội THDQ). Lúc đó tình hình chính trị VN sẽ đi vào hướng khác.

Mặt khác, Luật Sư Trần Văn Tuyên cho hay rằng, chính quyền Pháp tại Đông Dương thiết kế 2 thành phố Hà Nội và Sài Gòn cho dân số mỗi thành phố là 150,000 người, thời điểm 1945, dân số Hà Nội và Sài Gòn chỉ khoảng 80,000 người cho mỗi thành phố. Vậy mà cuộc bầu cử Quốc Hội do chính quyền Cộng Sản tổ chức vào năm 1945, Hà Nội có tới 300,000 người trưởng thành đi bầu ??? Nên nhớ là người Pháp có ghi dân số hàng năm trên Công Báo chứ không phải tùy tiện đưa ra con số ma như Việt Cộng vẫn thường làm. Chứng cứ thứ nhì là sau 1954, dân Bắc di cư vào Nam gần một triệu người, nhưng chỉ có 10% tập trung ở Sài Gòn. Cho đến 1965, vì tình hình chiến tranh lan rộng, dân số Sài Gòn vọt lên tới con số 2-3 triệu, cho nên thành phố Sài Gòn bắt buộc phải xây thêm nhà cửa, cầu cống, điện và nước cũng như mở rộng các hải cảng, phi trường, xa lộ...Luật Sư Trần Văn Tuyên nói các nhà cách mạng quốc gia chưa bao giờ nắm giữ các chức vụ hành chánh quản trị nên bị Hồ chí Minh lừa bịp và hù dọa mà không biết xoay sở đối phó. !!!

Tổng Thống Roosevelt mất vào ngày 12 tháng 4 năm 1845, Phó Tổng Thống Harry Truman lên thay. Tháng 5/1945, trước khi Hitler tự sát các đại diện của các đại cường họp nhau ở Postdam để phân định lại lãnh thổ địa lý : ở Âu Châu, liên quân Hoa Kỳ - Anh - Pháp sẽ ngưng tiến quân khi gặp quân đội Liên Xô. Và người ta ngạc nhiên là Tây Đức lớn gấp 3 lần Đông Đức cũng như thành phố Berlin nằm gọn trong lãnh thổ Đông Đức mà phần Tây Berlin do Hoa Kỳ +Anh +Pháp cai trị lại lớn hơn phần Đông Berlin do Liên Xô cai trị. Kỳ quặc nữa là thành phố Berlin thông thương với Tây Đức bằng một xa lộ mà xa lộ này lại do liên quân Hoa Kỳ - Anh - Pháp kiểm soát. Trước khi tự sát, Hitler ra lệnh cho quân đội Đức cũng như đạo quân SS bỏ trống phía Tây và dồn hết sức kháng cự qua phía Đông ngăn cản quân Liên Xô cho nên phần Tây Đức sau này lớn gấp 3 phần của Đông Đức. Ngay chiến trận tại thành phố Berlin cũng y hệt như vậy, quân Liên Xô cũng không làm sao chiếm trọn cả thành phố và quân tinh nhuệ của Đức Quốc Xã cũng giữ chặt xa lộ chạy vào thành phố cho đến khi liên quân Hoa Kỳ- Anh-Pháp đi trên xa lộ này chạy vào Tây Berlin họ mới buông súng đầu hàng. Chắc hẳn Hitler và quân đội Đức biết rằng thà rằng thua để liên quân Hoa Kỳ- Anh- Pháp chiếm đóng lãnh thổ cũng còn hơn thua quân Liên Xô và bị Liên Xô chiếm đóng lãnh thổ (thực tế diễn ra đúng như Hitler suy nghĩ).

Sau khi nước Đức đầu hàng, hạm đội Anh - Mỹ từ Âu Châu chuyển về Thái Bình Dương để kết thúc mặt trận châu Á, Liên Xô chuyển 01 triệu rưỡi quân từ Âu Châu sang Á châu bằng đường bộ (xe lửa và xe vận tải). Chính phủ Mỹ ước lượng quân Nhật còn khoảng 5 triệu quân, đa số trú đóng tại Trung Hoa và Nhật, thời gian ước lượng phải tốn hơn 01 năm mới có thể chấm dứt mặt trận Thái Bình Dương (trong khi Liên Xô ước tính phải tốn trên 2 năm). Nhưng bất ngờ, Hoa Kỳ thành công trong sứ mệnh chế tạo bom nguyên tử và Tổng Thống Truman ra lệnh thả 2 trái bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hiroshima và Nagasaki vào ngày 6 và ngày 9 tháng 8 năm 1945 (Tổng Thống Truman muốn tiết kiệm xương máu của

quân đội Hoa Kỳ, chứ nếu không thả 2 quả bom nguyên tử mà chiến trận cứ như ở Iwo Jima và Okinawa thì số tổn thất và thương vong của quân đội Hoa Kỳ sẽ rất cao)

Sau khi thả bom nguyên tử, 01 triệu rưỡi quân Liên Xô tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật tại mặt trận Mãn Châu và toàn thể quân Nhật tại đây đã đầu hàng quân đội Liên Xô trước khi Đại Tướng Mac Arthur ký văn kiện đầu hàng của chính phủ Nhật trên chiến hạm Missouri. Vì Triều Tiên là thuộc địa của Nhật nên quân đội Mỹ ngưng tiến về phía Bắc khi quân đội Hoa Kỳ bắt tay với quân Liên Xô tại vĩ tuyến 38.

Stalin lấy toàn bộ vũ khí của đạo quân Quan Đông kể cả xe tank, trọng pháo và lương thực giao cho quân của Mao cho nên quân đội Tưởng Giới Thạch yếu thế và bị thua rồi tan rã tới hàng trăm sư đoàn bộ binh : rất dễ hiểu vì Tưởng Giới Thạch chỉ trang bị bộ binh của ông là những sư đoàn khinh chiến ( sư đoàn khinh chiến chỉ có trọng pháo bắn thẳng như sơn pháo 57 ly và không có xe thiết giáp) để bao vây quân của Mao Trạch Đông trong các vùng núi non hiểm trở của tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, trong khi quân của Mao sau khi nhận vũ khí và trang bị của đạo quân Quan Đông có cả cơ giới để chuyển quân, có xe tank và trọng pháo bắn vòng cầu.

Tướng George Marshall sang tận Trùng Khánh gặp Thống Chế Tưởng Thạch và được yêu cầu trang bị cho quân đội Trung Hoa Dân Quốc với nhu cầu quá lớn tới 150 sư đoàn bộ binh (mà quân đội Hoa Kỳ kể cả Hải Lục Không Quân và Thủy Quân Lục Chiến cũng khoảng 1 triệu quân mà thôi). Bởi vậy Hoa Kỳ lờ luôn lời yêu cầu của Tổng Tài Tưởng Giới Thạch (cũng coi như THDQ bị Hoa Kỳ bỏ rơi).

Người ta chê trách chính phủ Hoa Kỳ ngây thơ vì đã dàn xếp để 2 phe Quốc Cộng sống chung hòa bình, thực ra sự dàn xếp này chỉ giúp cho quân đội THDQ bớt bị tàn sát mà thôi. Quả nhiên hòa bình sống chung được 6 tháng tới tháng 6 năm 1946, chiến tranh Quốc – Cộng bùng nổ dữ dội.. Năm 1948, quân của Mao thắng thế vì quân của Tưởng thiếu trang bị và tiếp tế xa quá (từ miền trung Trung Hoa kéo dài lên miền Bắc Trung Hoa). Quân của Tưởng bị mất một triệu (khoảng hơn 100 sư đoàn tại vùng Bắc Trung Hoa, bị buộc phải lui quân về phía nam cho tới ngày 01 tháng 10 năm 1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tưởng Giới Thạch đem khoảng 2 triệu người từ lục địa chạy ra Đài Loan , nhưng ý chí tái thống nhất Trung Hoa không thể thực hiện được vì khả năng không có.

Tại Triều Tiên, Tướng Mac Arthur chỉ để lại một số ít lính Mỹ và giúp chính phủ của Lý Thừa Vãn điều hành đất nước Đại Hàn (tức là Nam Triều Tiên), trong khi tại Bắc Triều Tiên, Liên Xô giúp Kim Nhật Thành trang bị vũ khí và thành lập quân đội Bắc Hàn với số lượng lớn với nhiều đại đơn vị cấp sư đoàn và lộ quân (tương đương với cấp quân đoàn của phe tư bản). Ngay sau khi Mao tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, thì Kim Nhật Thành đem vài trăm ngàn quân Bắc Hàn xâm lăng Đại Hàn khiến chính phủ Lý Thừa Vãn phải bỏ chạy về phía nam, chỉ còn 10 cây số là ra tới biển để leo lên tàu bè đào thoát sang Nhật xin tỵ nạn. Đại Tướng Mac Arthur dùng hải quân chuyển vận và yểm trợ cho bộ binh đổ bộ hải cảng Inchon (vị trí địa dư tương tự như hải cảng Qui Nhơn của Việt Nam) đánh tan đạo quân 130,000 người của Kim Nhật Thành, bắt được hơn 77,000 tù binh rồi đuổi quân Bắc Hàn tới tận sông Áp Lục (ranh giới Triều Tiên và Trung Hoa)

Để cứu nguy cho Bắc Triều Tiên, Mao Trạch Đông đem 01 triệu chí nguyện quân Trung Hoa do Nguyên Soái Bành Đức Hoài ( Peng Dehuai) chỉ huy, chí nguyện quân Trung Cộng quá đông đẩy lui quân Hoa Kỳ

lùi dần về phía nam (vì hỏa lực qui ước không ngăn chặn nổi chiến thuật biển người của quân Trung Cộng) Hoa Kỳ liền đem vấn đề chiến tranh Triều Tiên ra bàn thảo tại Hội Đồng Bảo An để Liên Hiệp Quốc chinh phạt quân Trung Cộng và Bắc Hàn. Vào ngày biểu quyết, Molotov (ngoại trưởng của Liên Xô) ra lệnh cho Đại Sứ của Liên Xô vắng mặt nên nghị quyết trừng phạt Trung Cộng và Bắc Hàn được thông qua. Số quốc gia gửi quân lên tới gần 30 nước với quân số khoảng 30,000 trong đó nước Pháp gửi 2 tiểu đoàn lê dương, Thổ Nhĩ Kỳ gửi 01 tiểu đoàn bộ binh, Australia và New Zealand cũng gửi khoảng 4,000 quân, dĩ nhiên quân đội Hoa Kỳ đông nhất với 250,000 quân, cho nên Đại Tướng Mac Arthur Tư Lệnh quân đội Hoa Kỳ kiêm nhiệm luôn Tư Lệnh quân Liên Hiệp Quốc tại Triều Tiên.

Sở dĩ ngoại trưởng Molotov ra lệnh cho Đại Sứ Liên Xô vắng mặt, vì Liên Xô không thể bỏ phiếu phủ quyết tại LHQ đem quân đi trừng phạt 2 quốc gia đi xâm lăng là Trung Cộng và Bắc Hàn, lý do tại thời điểm 1950 cả Trung Cộng và Bắc Hàn đều không phải là hội viên của Liên Hiệp Quốc. Tại sao quân Bắc Hàn đông và được trang bị đầy đủ mà lại thua quân Hoa Kỳ quá nhanh chóng như vậy? Lý do cũng dễ hiểu, Bắc Hàn không có tướng lãnh biết điều quân nên đưng phải tướng lãnh và quân nhân chuyên nghiệp Hoa Kỳ dày dặn trong chiến trường và chiến tranh đẳng cấp thế chiến, do đó quân lính của Kim Nhật Thành bị thua và bỏ chạy tới ranh giới Triều Tiên – Trung Hoa là quá hợp lý!

Tướng Mac Arthur yêu cầu dùng bom nguyên tử và quân đội Hoa Kỳ đánh sâu vào lãnh thổ Trung Hoa để chấm dứt chiến tranh Triều Tiên, Tổng Thống Truman cất chức ông vì các lý do sau đây:

A/ Quân đội Nhật Bản có 01 triệu quân đóng tại Mãn Châu và hơn 01 triệu rưỡi đóng trong nước Trung Hoa, vậy mà chả thấm thía gì. Làm sao Hoa Kỳ có được 2 triệu quân như Nhật Bản đã làm?

B/ Liên Xô xúi Trung Cộng gây chiến để Hoa Kỳ sa lầy, rồi Liên Xô sẽ xâm chiếm trọn vẹn Âu châu

c/ Ban đầu thỏa thuận tại hội nghị Postdam là vĩ tuyến 38, nay cứ giữ vững tại vĩ tuyến 38 là đủ.

Tuy đẩy lui quân Hoa Kỳ và quân Liên Hiệp Quốc từ sông Áp Lục xuống tận vĩ tuyến 38, nhưng chí nguyện quân Trung Cộng cũng bị thiệt hại 40% (tổn thất 400,000 quân trên tổng số 01 triệu quân) cho nên các phe tham chiến phải ký thỏa ước ngưng bắn tại Bàn Môn Điểm. Các tài liệu sau này tiết lộ rằng thỏa ước ngưng bắn tại làng Bàn Môn Điểm là một thất bại lớn của Trung Cộng vì Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai tham chiến tại Triều Tiên để được thế giới công nhận là một quốc gia, trong khi giới ngoại giao các nước không biết làng Bàn Môn Điểm nằm ở đâu cả và thỏa ước đình chiến chỉ có 3 phe tham chiến ký kết (Hoa Kỳ, Trung Cộng và Bắc Hàn) chứ không được quốc tế hóa chi hết.

Khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục, cũng là lúc quân Việt Minh được viện trợ dồi dào từ Trung Cộng cho nên Võ Nguyên Giáp đã mở ra chiến dịch biên giới đánh quân đội Pháp tại Bắc Việt thua liểng xiểng. Quân đội Pháp phải để mất các quân khu Cao Bằng – Lạng Sơn, Đông Triều bị uy hiếp, Móng Cái (Quảng Ninh sau này) bị vây hãm, tiểu khu Vĩnh Yên do Đại Tá Vanuxem trấn giữ có nguy cơ bị tràn ngập. Nếu Vĩnh Yên bị thất thủ thì Hà Nội cũng sẽ rơi vào tay quân Việt Minh.. Chính phủ Pháp cử Thống Tướng De Lattre de Tassigni làm Cao Ủy kiêm nhiệm Tư Lệnh đạo quân viễn chinh Pháp, Thống Tướng De Lattre de Tassigni đem 180,000 quân từ Pháp và Phi Châu (đây là binh lính của các thuộc địa của Pháp tại Bắc Phi và Tây Phi) sang Đông Dương, tổng số quân Pháp tại Đông Dương lên tới 220,000 vì lúc

đảo chính quân Pháp, quân đội Nhật giam giữ 30,000 người rồi tướng Leclerc đem thêm 10,000 người theo quân Anh vào Sài Gòn hồi 1945.

Vấn đề người viết trình bày ở bài viết này là nước Pháp thời điểm 1951 không có đủ tài lực để có thể mở ra một cuộc chiến tranh viễn chinh xa nước Pháp hơn 30,000 cây số.. Theo sự suy đoán của người viết, nếu quân Việt Minh tấn công Hà Nội, nước Pháp có thể “bỏ chạy” bằng cách trao quyền độc lập hay tự trị cho một chính phủ như chính phủ Bảo Đại chẳng hạn, rồi “rút lui trong danh dự” một khi chính quyền mới của QUỐC GIA VIỆT NAM yêu cầu, điều đó có nghĩa là mất Đông Dương, an ninh của nước Pháp chã hề hấn gì. Thống Tướng De Lattre de Tassigni không phải là tiểu đoàn trưởng bộ binh phải tuân lệnh chính phủ Pháp một cách tuyệt đối. Do đó, trước khi nhận chức vụ và nhiệm vụ mới, ông sẽ hỏi chính phủ Pháp : Người ở đâu ra ? Tiền bạc và Ngân Sách điều hành đạo quân vài trăm ngàn người làm sao chính phủ Pháp có khả năng ? Vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, khí tài, nhiên liệu làm sao chính phủ Pháp có thể cung ứng cho ông ? Nếu không có đủ cung ứng cho ông, ông thà ở lại nước Pháp thì hợp lý hơn là phải sang Đông Dương mà không có cơ may nào để chiến thắng!!

Người viết suy đoán rằng : ngay khi Kim Nhật Thành tấn công Đại Hàn, một toán chuyên viên cao cấp của chính phủ Mỹ đã đến Paris “chiêu dụ” chính phủ Pháp rồi. Mặt trận mới và quan niệm mới tại Đông Nam Á Châu sau khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục là “bỏ bờ và ngăn chặn chủ nghĩa Cộng Sản” chứ không còn là tái chiếm thuộc địa như hồi 1945 nữa. Biết nước Pháp không có khả năng giữ Đông Dương, chính phủ Mỹ sẽ viện trợ cho chính phủ và quân đội Pháp giữ được Đông Dương cho đến khi Hoa Kỳ tìm được giải pháp “chính trị”. Đảng nào cũng thua, nếu “bỏ chạy” thì nước Pháp sẽ không còn gì cả, nhưng thua và triệt thoái đúng theo kế hoạch, thì Hoa kỳ sẽ viện trợ tái thiết nước Pháp dưới vỏ bọc của chương trình Marshall.

Mặc dù chỉ là sự suy luận, nhưng người viết tin rằng Thống Tướng De Lattre de Tassigni chấp nhận sự bổ nhiệm của chính phủ Pháp đã là sự suy đoán có cơ sở hợp lý vững chắc. Vừa mới tới Đông Dương , Thống Tướng De Lattre de Tassigni giải vây cho tiểu khu Vĩnh Yên, quân Việt Minh của Võ Nguyên Giáp phải bỏ Vĩnh Yên và rút quân qua biên giới Hoa Việt vì tổn thất quá nặng về nhân mạng. Tướng De Lattre sử dụng vũ khí mới của Mỹ cung cấp, đó là bom Napalm (bom lân tinh từ phosphore)

Sau khi đẩy lui được quân Việt Minh của Võ Nguyên Giáp đang bao vây Vĩnh Yên phải chạy sang bên kia biên giới Hoa- Việt để trú ẩn (vì sợ máy bay Pháp oanh tạc truy kích), Thống Tướng De Lattre bay sang Mỹ để ký kết những thỏa ước với chi tiết rõ ràng và cụ thể ( **Ghi chú** :trước khi đi Đông Dương nhậm chức Cao Ủy kiêm Tư Lệnh chiến trường, Thống Tướng De Lattre chỉ nhận được lời hứa tổng quát của chính phủ Pháp). Và tài liệu sau này của Đại Tướng Henri Navarre cho hay Hoa Kỳ đã gánh 78% chiến phí, trong khi sau khi đình chiến tại Triều Tiên , Trung Cộng tăng cường viện trợ ồ ạt cho Việt Minh với số lượng 500 tấn vũ khí đạn dược mỗi ngày – (đủ cho Việt Minh tiếp tế cho chiến trường bao vây căn cứ Điện Biên Phủ)

Từ Hoa Kỳ, Thống Tướng De Lattre de Tassigni trở lại Đông Dương, rồi sau đó ông phải về Pháp để trị bệnh ung thư và chết tại Pháp một thời gian ngắn sau đó. Không thấy ông viết hồi ký hay mô tả những cuộc đàm thoại với Tổng Thống Eisenhower và các tướng lãnh cao cấp của Hoa Kỳ, cho nên một lần nữa, người viết “tưởng tượng” ra nội dung cuộc đối thoại của 2 phía



---Phía Pháp hỏi : tại chiến trường Triều Tiên, Hoa Kỳ có quân số đông hơn cùng hỏa lực cũng như không yểm mạnh hơn mà vẫn cù cưa bất phân thắng bại, vậy quân đội Pháp ít hơn quân đội Hoa Kỳ, hỏa lực kém hơn và phần không yểm thì yếu hơn nhiều (toàn bộ chiến trường Đông Dương, quân đội Pháp chỉ có 200 máy bay), thì làm sao quân đội Pháp có thể chiến thắng quân Việt Minh được. ?

---Phía Hoa Kỳ trả lời : chúng tôi trợ giúp quân đội Pháp không phải để chiến thắng quân Việt Minh, mà vai trò và nhiệm vụ của quân đội Pháp tại Đông Dương là đánh cho tan tác quân đội Việt Minh để khi giải pháp chính trị chia đôi Việt Nam, thì chính quyền miền Nam Việt Nam do Hoa Kỳ yểm trợ sẽ không bị quân đội Việt Minh nuốt chửng.

---Phía Pháp hỏi : quân đội Pháp tại Đông Dương chưa được hiểu rõ “giải pháp chính trị” mà phía Hoa Kỳ vừa nêu ra.

---Phía Mỹ trả lời : chúng ta không thể thắng tuyệt đối quân Việt Minh được vì họ có quân Trung Cộng hậu thuẫn cả về mặt địa lý lẫn tiếp vận, nên chúng ta phải làm suy yếu quân Việt Minh mà thôi. Còn giải pháp chia cắt Việt Nam : Hoa Kỳ giữ đúng thỏa ước Postdam , phía Bắc vĩ tuyến 16 được giao cho THĐQ, nay Trung Cộng chiếm được lục địa Trung Hoa thì họ cho rằng VN phía Bắc vĩ tuyến 16 phải thuộc về ảnh hưởng của họ.

Đại Tá Lansdale (người của Cơ Quan Trung Ương Tình Báo CIA ) đến Sài Gòn sau Thống Tướng De Lattre một thời gian ngắn và công tác của ông là tiếp xúc và hỗ trợ cho chính giới tại miền Nam như tướng Trình Minh Thế, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, các tướng Lâm Thành Nguyên, Năm Lửa Trần Văn Soái , tướng Nguyễn Giác Ngộ...của giáo phái Hòa Hảo. Điều đó có nghĩa là Hoa Kỳ đã có ý niệm chia cắt VN từ trước khi xảy ra trận Điện Biên Phủ và đã có sẵn ý niệm hậu thuẫn cho chính quyền người quốc gia tại phía nam vĩ tuyến 16 .Kế nhiệm Thống Tướng De Lattre de Tassigni là Đại Tướng Raoul Salan, ông này sang Đông Dương từ năm 1924 với cấp bậc Trung Úy và đề xướng thành lập căn cứ Điện Biên Phủ. Năm 1953, ông hồi hưu và được thay thế bằng Trung Tướng Henri Navarre.(nhậm chức từ đầu tháng 5 năm 1953) Tướng Navarre hoàn chỉnh đề án thành lập căn cứ Điện Biên Phủ và được quốc hội Pháp chấp thuận cấp ngân khoản để thực hiện . Đại Tá Christian de La Croix de Castries được chỉ định là Chỉ Huy Trưởng căn cứ (commandant du camp retranche)

Một điểm quan trọng mà Hồ chí Minh và Đảng CSVN cố tình che giấu, đó là vào năm 1953 khi chưa nắm được chính quyền tại sao Hồ chí Minh đã phát động cuộc đấu tố nông dân địa chủ ? Hồ chí Minh và Trường Chinh muốn chứng tỏ cho Mao Trạch Đông và Đảng Cộng Sản Trung Hoa rằng Việt Minh đã toàn tâm toàn ý đi theo con đường của Cộng Sản để các cố vấn quân sự của phái bộ Quân Mưu Trung Hoa báo cáo cho Mao Trạch Đông và Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Sau khi nhận các báo cáo đầy đủ của các cố vấn Trung Cộng, Mao Trạch Đông mới chấp nhận viện trợ quân sự cho quân Việt Minh hầu chuẩn bị cho chiến dịch tấn công căn cứ Điện Biên Phủ (theo như báo cáo của tình báo Pháp, mỗi ngày quân Việt Minh được viện trợ 500 tấn vũ khí đạn dược)

Năm 1956, Tướng Navarre viết quyển sách AGONIE DE L' INDOCHINE – Đông Dương Hấp Hối để bào chữa cho ông và quân đội Pháp về nguyên do bại trận tại căn cứ Điện Biên Phủ và Tướng Navarre qui trách nhiệm cho chính phủ Pháp đã đưa tới sự hấp hối và sụp đổ cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất 1946-1954. Mặt khác nhiều nhà viết quân sử cũng cho rằng các tướng lãnh có trách nhiệm của Pháp mắc

phải lỗi lầm là vị trí địa dư của căn cứ Điện Biên Phủ là thung lũng lòng chảo nằm dưới tầm pháo của đối phương và cứ điểm Điện Biên Phủ không có lối thoát ra vào bằng đường bộ, muốn giải cứu phải nhảy dù là phương cách duy nhất.

Một số lớn những nhà viết sử của Việt Nam (kể cả phía Việt Cộng lẫn phía Quốc Gia) cho rằng Mỹ không cứu quân đội Pháp tại căn cứ Điện Biên Phủ bằng cách dùng oanh tạc cơ chiến lược B-29 oanh tạc quân Việt Minh xung quanh vùng đồi của căn cứ Điện Biên Phủ vì Mỹ muốn hất cẳng Pháp để thay thế Pháp. Không ai nghĩ rằng, nước Pháp đã muốn “bỏ chạy” khỏi Đông Dương sau chiến dịch biên giới vào năm 1950 của quân đội Việt Minh, nhưng Mỹ yêu cầu quân đội Pháp ở lại tiếp tục chiến đấu “chống Cộng” để đánh te tua quân đội Việt Minh hầu cho chính phủ VNCH (sau này) có đủ thời giờ để đứng vững. Trong quyển NO MORE VIETNAMS, Tổng Thống Richard Nixon cho biết Hoa Kỳ đã bỏ ra 10 tỷ dollars để giúp quân đội Pháp chiến đấu chống quân đội Việt Minh tại Đông Dương thời kỳ 1951 -1954. Và nước Pháp thua trận Điện Biên Phủ nhưng Hoa Kỳ đền bù bằng những viện trợ kinh tế trong chương trình Marshall tái thiết châu Âu, tới năm 1960 nước Pháp đã phục hồi kinh tế và trở thành cường quốc, trong khi Việt Minh chiến thắng trận Điện Biên Phủ thì chính phủ VNDCCH không có được hưởng đồng xu bạc nào cả, ngoại trừ tờ giấy khen của Liên Xô cấp cho VC danh hiệu “THÀNH TRÌ CỦA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA” {theo lý luận thông thường, kẻ thua trận phải bồi thường chiến tranh cho kẻ thắng trận, thí dụ như nước Đức phải bồi thường cho nước Pháp theo hòa ước Versailles ký hồi 1918}

Những khiếm khuyết của căn cứ Điện Biên Phủ chỉ là hình thức của nước cờ “cục đường dụ cho kiến bu đông” nhằm sát hại quân lính của Việt Minh mà thôi. Nhất là mấy anh tướng tá VC luôn luôn khoe ầm lên là tướng của Pháp “ngu si đần độn”. Có điều kể từ năm 1954 đến nay 2021 là 67 năm, chưa bao giờ phía VC công bố số tổn thất của “phe ta”.

Trong quyển Les Lecons De La Guerre D’ Indochine, Tướng Henri Navarre có cho biết : Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất khởi đầu từ nửa đêm 19 tháng 12 năm 1946 khi Võ Nguyên Giáp ra lệnh tấn công quân Pháp tại Hà Nội cho tới ngày 20 tháng 7 năm 1954 – là ngày ký Hiệp Định Genève chia đôi VN, quân đội Pháp có 75,580 người bị giết, 64,127 người bị thương, phía Việt Minh có 300,000 người chết.

Với số tổn thất lớn lao như vậy, cho nên sau năm 1954, phía VC không thể mở bất cứ cuộc tấn công nào vào VNCH mặc dù quân đội của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm (sau này trở thành Tổng Thống Ngô Đình Diệm) còn rất yếu. Và phải đợi đến năm 1960, Hồ chí Minh mới chính thức thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để xâm lược VNCH khoác dưới danh nghĩa nhân dân miền Nam nổi dậy !. Như vậy bọn VC và tay sai tuyên bố chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng của toàn dân VN đánh đuổi được thực dân Pháp là chiến thắng VINH QUANG nhất của Việt Nam trong thế kỷ 20, chỉ là những lời tuyên truyền của cảm giác TỰ SỰNG mà thôi.

Nhà Sử học Pháp Michel Bodin ghi nhận rằng : “Nếu không được Trung Cộng giúp đỡ, Việt Minh đã không thành công trong chiến thắng Điện Biên Phủ”, điều đó chỉ đúng 50% về phía nước Pháp .Người viết muốn thêm vào những nhận định của cá nhân mình để viết thêm về 50% còn lại : chính phủ Hoa Kỳ biết rõ sự hỗ trợ của Trung Cộng cho Việt Minh nên đã giúp chính phủ Pháp và quân đội Pháp trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Người viết hoàn toàn đồng ý với sử gia Michel Bodin khi ông cho rằng **ĐÔNG DƯƠNG – MẶT TRẬN NÓNG CỦA CHIẾN TRANH LẠNH** .

Sử gia Michel Bodin trên phương diện nghiên cứu Sử Học cho rằng thực chất của sự giúp đỡ của Trung Cộng phức tạp hơn nhiều :

Thứ nhất : Trung Cộng muốn muốn khối XHCN công nhận Trung Cộng là một nhà nước có thể giúp ích cho những dân tộc khác để giành độc lập và mục tiêu đó không thể hoàn thành nếu không có nhà nước Trung Cộng.

Thứ hai : ngay từ đầu thập niên 1950 qua việc giúp đỡ VNDCCH, Trung Cộng muốn khẳng định vị trí của mình với Liên Xô, và bắt đầu muốn được công nhận như một cường quốc trên thế giới

Sử gia Michel Bodin viết tiếp : “ Tuy nhiên Trung Cộng luôn áp dụng một phương châm, đó không bao giờ để nước láng giềng phương nam quá hùng mạnh, thành thử giúp VNDCCH cũng là cách để kiểm soát tình hình ngay sát cửa biên giới phía nam của chính họ.. Giúp VNDCCH, Trung Cộng nhắm tới 2 mục tiêu: Được cộng đồng quốc tế công nhận và vì an ninh của chính Trung Cộng (Hết trích)

Hỡi những tên Việt Cộng ngu dốt và những kẻ thân Cộng vô minh phải biết rằng Trung Cộng (hay gọi là Cộng Sản Trung Quốc cũng như nhau) đã chi viện toàn bộ vũ khí, lấy sinh mạng người Việt Nam làm đòn bẩy để quét quân Pháp đi, bảo đảm cho an toàn phen dậu phía Nam của nước Tàu. Đây không phải là nhận định của một kẻ ” chống Cộng tới chết vẫn còn chống Cộng” mà là tài liệu giảng dạy của Trường Đại Học Khoa Học Lịch Sử Thái Nguyên chỉ ra, người viết trích đoạn nguyên văn như sau :

**“ Mao chủ tịch và Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc quyết định ra sức tổng chi viện cho cuộc Chiến tranh chống Pháp của CSVN, lần lượt cử Đại Tướng Trần Canh thay mặt Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Đoàn Cố Vấn Quân Sự do Thượng Tướng Vi Quốc Thanh đứng đầu và Đoàn Cố Vấn Chính Trị do đồng chí Lã Quý Ba lãnh đạo, sang hỗ trợ Việt Nam. Nhằm đối phó với ưu thế trên không và trọng pháo mãnh liệt của quân Pháp, Quân Ủy Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc mệnh lệnh cho Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc điều động tập kết 24 khẩu pháo 105 tốt nhất, hàng chục cao xạ pháo và hàng trăm loại pháo tầm trung khác, cấp tốc vận chuyển đưa vào Việt Nam. Đứng trước tình hình quân Pháp bố phòng nghiêm mật, công sự kiên cố, hỏa lực mãnh liệt, cố vấn Trung Quốc đã chỉ đạo cách đánh gần, đào giao thông hào sát địch, còn cử những chuyên gia đào hào của quân chí nguyện từ mặt trận Triều Tiên về nước sang Điện Biên Phủ chỉ đạo thực thi tác chiến hầm hào...(hết trích)**

Và tướng Võ Nguyên Giáp lại càng chẳng thể nào là anh hùng tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẩy năm châu” với toàn bộ vũ khí của Trung Quốc mà các tướng ra lệnh “siết cò” lại là các Đại Tướng Trần Canh, Thượng Tướng Vi Quốc Thanh và Cố Vấn chính trị cao cấp Lã Quý Ba của Đảng Cộng Sản Trung Quốc.

Người viết xin mượn lời của Tướng Trần Độ trong quyển Nhật Ký Rừng Rắn để chấm dứt GIAI ĐOẠN 1 trong bài viết này : “ Nhiều người nói rằng Đảng CSVN đã ăn cái “sái” (sái thuốc phiện) của thắng lợi quá nhiều lần. Người ta ăn sái thuốc phiện đến sái 3 sái 4 là hết, còn sái thắng lợi thì đảng ta ăn đến cái sái thứ 100 rồi mà vẫn chưa chán.”

Cũng đơn giản thôi, từ hiện tại người ta định hướng cho tương lai, thế giới không ai “ĂN MÀY MÃI MÃI VỚI DĨ VĨNG “, hơn nữa dĩ vãng ấy thông qua nhiều phương tiện thông tin hiện đại, giờ đây đa số người dân VN đã nhận ra sự thật, quá khứ hào nhoáng ấy là BỊP BỢM HOANG TƯỞNG ĐẦY MÁU XƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT, ĐẦY SAI LẦM VÀ LẮM TỘI ÁC.

### **GIAI ĐOẠN HAI ( từ 1955 đến 1965)**

Không ai phủ nhận công lao và sự hy sinh cho đất nước Việt Nam của các nhà cách mạng và chính trị gia VN trong thời điểm 1945 – 1955. Nhưng tiếc thay không có ai tìm ra được con đường cứu nước VN đang bị chao đảo trong những con lốc chính trị đang xoáy vào vùng đất Đông Dương, theo suy nghĩ chủ quan của người viết : chỉ duy nhất một mình ông NGÔ ĐÌNH NHU nghĩ đến Hoa Kỳ, một quốc gia bên kia bờ Thái Bình Dương cách xa VN hơn 11,000 kilometers sẽ có ảnh hưởng lớn quyết định đến vận mệnh của QUỐC GIA VIETNAM.. Bởi vì không nhìn ra vấn đề nên cũng không có ai nghĩ ra được “giải pháp” để giải quyết vấn nạn của đất nước.

Điểm đặc sắc của ông Ngô Đình Nhu là ông đã nhìn ra vấn đề, đã tìm ra “giải pháp” giải quyết vấn đề, nhưng ông chưa thấy thời điểm thuận lợi nên ông ẩn mặt chờ đợi. Thời gian năm 1952-1953, ông Ngô Đình Diệm sang Hoa Kỳ vận động chính trị với các chính khách Hoa Kỳ. Đây là kế hoạch do ông Ngô Đình Nhu vẽ ra, người làm trung gian giới thiệu ông Ngô Đình Diệm với các chính khách Hoa Kỳ là Hồng Y Spellman của giáo phận New York (vì thực sự Công Giáo của Hoa Kỳ chỉ chiếm 25% nên ảnh hưởng của Công Giáo Hoa Kỳ không bằng khối Tin Lành chiếm hơn 70% dân số).

Tháng 6 năm 1954, tình hình căn cứ Điện Biên Phủ sắp tới hồi kết thúc, thì Thủ Tướng Bửu Lộc của chính phủ Quốc Gia Việt Nam từ chức, ông Ngô Đình Diệm lên thay thế. Nhiều người không biết ông Ngô Đình Diệm cứ cho rằng Hoàng Đế Bảo Đại giao trách nhiệm cho ông Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ như là một ân huệ của triều đình Huế. Thực tế Hoa Kỳ sẽ thay thế nước Pháp ở miền Nam Việt Nam nên họ đã không chọn Bảo Đại là một playboy đang lưu trú tại Pháp chả hiểu biết gì về tình hình thực tế tại VN, Hoàng Đế Bảo Đại điều khiển Thủ Tướng Bửu Lộc trước đó và sau này là Thủ Tướng Ngô Đình Diệm với cung cách mà bây giờ chúng ta gọi là “remote control administrative”.

Với tính thực tiễn của người Mỹ, chính phủ Hoa Kỳ luôn giao việc cai trị và quản trị phần đất phía Nam vĩ tuyến 17 cho người biết việc và có khả năng điều hành chứ không giao việc cho những người chỉ có danh hão và có bộ mã bảnh bao. Cứ thử nhìn xem các đại công ty thương mại của Hoa Kỳ, những vị sáng lập các đại công ty này khi qua đời thì không ai giao quyền quản trị đại công ty cho con cái của họ, mà hội đồng cổ đông sẽ bầu ra CEO mới.

Tại hội nghị Geneve 1954, trưởng phái đoàn của chính phủ Quốc Gia Việt Nam là Luật sư Nguyễn Quốc Định được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thay thế bởi ngoại trưởng Trần Văn Đổ (bác sĩ Trần Văn Đổ là em trai của Luật Sư Trần Văn Chương, là chú ruột của bà Ngô Đình Nhu nữ danh Trần Lệ Xuân). Khi mới sang Genève, ông Phạm Văn Đồng có hỏi ngoại trưởng Trần Văn Đổ là có nhận chỉ thị gì của chính phủ Sài Gòn về việc chia cắt đất nước Việt Nam hay không ? Ngoại trưởng Trần Văn Đổ trả lời là ông không có chỉ thị nào về việc này và cũng không nghe dư luận bên ngoài chính phủ bàn tán gì về việc chia cắt đất nước.

Thời gian sau đó, ngoại trưởng Trần Văn Đỗ mới biết là các đại cường đồng ý việc chia cắt Việt Nam ra làm 2, chỉ còn bàn cãi là cắt ở đoạn nào mà thôi. Phía Việt Cộng muốn lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới (tức là toàn thể tỉnh Thừa Thiên tới sát Đèo Hải Vân), phía Pháp muốn lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, hoặc nếu Việt Minh muốn lấy tới vĩ tuyến 16 thì phải nhường hành lang Bùi Chu – Phát Diệm – Nam Định cho Pháp.

Ngoại trưởng Molotov của Liên Xô cảnh báo cho Chu Ân Lai và Phạm Văn Đồng hay rằng Liên Xô có kinh nghiệm cay đắng về hành lang Tây Đức nối với Tây Bá Linh nên Molotov khuyến cáo là không nên nhận giải pháp này vì “lợi bất cập hại”. Phía Hoa Kỳ thì không có ý kiến vì Hoa Kỳ đến Genève trong vai trò giám sát và bảo chứng cho việc ký kết một hiệp định ngưng bắn giữa Pháp và Việt Minh. Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ điện về Sài Gòn báo cáo tình hình cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và xin chỉ thị về việc chia cắt đất nước. Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chỉ thị cho ngoại trưởng Trần Văn Đỗ phản đối việc chia cắt đất nước Việt Nam và phía chính phủ của Quốc Gia Việt Nam sẽ không ký vào Hiệp Định Geneve 1954.

Sau khi Đặng Tiểu Bình dạy cho Việt Cộng một bài học vào năm 1979, Ban Lãnh Đạo của Đảng CSVN mới công bố Sách Trắng về Trung Quốc (phía VNCH thường gọi là Bạch Thư), thì nhân dân miền Bắc và các đảng viên cấp thấp mới biết rằng chính Chu Ân Lai thúc ép Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng phải nhận Bắc Việt (nói theo kiểu dân chơi trong giới giang hồ : thế là mất mẹ miền Nam cho bọn Mỹ - Ngụy )

Sau khi ký kết Hiệp Định Genève 1954, cá nhân và chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm gặp nhiều trở ngại vì các thế lực tay sai của thực dân Pháp quấy phá để bảo vệ quyền lợi của Pháp. Các “sứ quân” có lực lượng vũ trang trong tay kết hợp với các giáo phái thành lập “ Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia”. Nhóm chính trị có danh xưng là Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia yêu sách đòi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cải tổ nội các trong vòng 5 ngày nếu không họ sẽ tổ chức biểu tình (vì chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không có mời thành viên của Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia tham gia chính quyền) . Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cương quyết dùng vũ lực để giải quyết các yêu sách của nhóm gọi là Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia.

Chính Thủ Tướng Ngô Đình Diệm nói với Tướng Collins là “mỗi khi ông nhân nhượng và thỏa hiệp thì vấn đề càng trở nên khó khăn hơn” (thời điểm 1954 – 1955, Tướng Collins đang là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn). Bài viết này không chi tiết hóa các diễn biến lịch sử của thời kỳ 1954 – 1955 tại Sài Gòn, người viết chỉ trích dẫn một đoạn thư của Tổng Thống Eisenhower gửi Tổng Thống Diệm vào năm 1960, trong đoạn thư này Tổng Thống Eisenhower còn nhắc tới sự cương quyết và thành công của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm vào năm 1955 như sau

**“ Chúng tôi đã chứng kiến sự can đảm và táo bạo mà Ngài và nhân dân Việt Nam đã biểu dương để đạt tới độc lập trong một tình huống nguy hiểm đến độ nhiều người đã coi như là vô vọng. Chúng tôi còn ngưỡng mộ khi tình trạng hỗn loạn ở Miền Nam đã nhường chỗ cho trật tự, và tiến bộ đã thay thế cho tuyệt vọng, tất cả với một tốc độ thật nhanh chóng ”** Trích từ quyển sách KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO của Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng

Người viết cho rằng ông Ngô Đình Diệm đã thành công lớn trong 3 mục tiêu như sau :

2.1 Mở cuộc Trưng Cầu Dân Ý truất phế vua Bảo Đại và bước lên chế độ Tổng Thống Chế.

2.2 Thành lập chế độ Cộng Hòa, đổi quốc hiệu từ QUỐC GIA VIỆT NAM trở thành VIỆT NAM CỘNG HÒA.

**( GHI CHÚ CỦA NGƯỜI VIẾT :Việc đổi quốc hiệu trở thành VNCH có liên quan đến việc tuân thủ Hiệp Định Geneve 1954, vì nếu ký tên vào Bản Hiệp Định thì chữ ký của ngoại trưởng Trần Văn Đỗ đại diện cho chính phủ của QUỐC GIA VIỆT NAM, và ngoại trưởng Trần Văn Đỗ không ký tên cũng như sau khi đổi tên quốc hiệu thành VNCH thì chính phủ VNCH của Tổng Thống Ngô Đình Diệm chẳng có trách nhiệm pháp lý gì đối Bản Hiệp Định Genève 1954)**

2.3 Văn hồi trật tự quốc gia, đem lại sự ổn định xã hội và thanh bình cho dân chúng, phát triển kinh tế và nâng cao mức sinh hoạt của toàn thể dân chúng.

Đối với suy nghĩ của người viết, mục tiêu 2.1 và mục tiêu 2.2 tương tự như CEO của đại công ty tại Hoa Kỳ thay đổi “business name” cũng như thay đổi lẽ lối quản trị của công ty trong giai đoạn mới.

Còn mục tiêu 2.3 người dân Việt Nam suốt 60 năm qua đã quên hết những con số thống kê hay thông tin tuyên truyền của chính quyền VNCH mà họ chỉ nhớ đến những bài ca bài hát đượm tình quê hương lồng trong khung cảnh thanh bình của đất nước, thí dụ như bản nhạc “Gạo trắng trăng thanh”, “Duyên quê”, “Lúa mùa duyên thắm”, “Tình quê hương”, “Tình hoài hương”, “Trăng rụng xuống cầu”, “Lối về xóm nhỏ”...Những bản nhạc này diễn tả thực trạng của xã hội VNCH mà phía Bắc Việt không thể có được.

Theo tài liệu Quân Sử của Bộ Trung Hoa Quân Mưu (Chinese Military Advisory Group- CMAG), Võ Nguyên Giáp đã âm thầm đến Bắc Kinh vào ngày 27 tháng 6 năm 1955 và ngày 15 tháng 10 năm 1955, nhưng tài liệu Quân Sử này không giải thích tại sao Võ Nguyên Giáp phải sang Trung Hoa 2 lần trong khoảng không đầy 4-5 tháng. Theo tài liệu của Quảng Đông Đại Học Xã Hội Học thì Trung Cộng và Liên Xô đã có sự bất đồng ý kiến về dự án làm sao thống nhất Việt Nam. Cố vấn Liên Xô ủng hộ sự hòa bình chung sống giữa Nam – Bắc Việt Nam, Liên Xô kêu gọi Hà Nội thống nhất đất nước qua và trong dự án hòa bình, ngược lại phía Trung Cộng cho rằng **“tại vì sự phá hoại của chế độ quân chủ nên không thể nào thống nhất Việt Nam qua cái gọi dân chủ tự do như đã viết trong Hiệp Định Geneve 1954, và như vậy con đường duy nhất là Cộng Sản Bắc Việt nên chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh sắp tới.**

Và để chuẩn bị cho “một cuộc chiến tranh sắp tới” (như quan niệm chiến lược của Trung Cộng vừa nêu), Hồ chí Minh và Đảng CSVN lại phát động một cuộc đấu tố vĩ đại để giết khoảng 150,000 địa chủ trong khoảng từ 1956 đến 1958 tại miền Bắc VN. Hồ chí Minh đã đạt được 2 thành quả vĩ đại trong sự nghiệp chính trị của y, đó là :

Về mặt đối ngoại : HCM đã được Mao Trạch Đông hoàn toàn tin tưởng nên đã viện trợ quân sự ồ ạt cho quân đội BV, cho nên tới cuối năm 1959 y chính thức ra mắt cái gọi là MTGPMN.

Về mặt đối nội : HCM và Đảng CSVN đã cướp được toàn thể đất đai của nông dân dưới chiêu bài “đất đai là thuộc quyền sở hữu của toàn dân”

Nhân dân và các chính trị gia của VNCH không thể hiểu tại sao địa chủ của miền Bắc sở hữu đất đai quá nhỏ mà lại bị giết (không có ai sở hữu hàng ngàn hectares cho đến hàng chục ngàn hectares như ở miền

Nam) . Các tiểu địa chủ ở miền Bắc bị giết vì họ nắm giữ văn tự do cha mẹ tổ tiên để lại (Miền Nam gọi là bằng khoán đất đai), HCM và Đảng CSVN phải giết họ thì mới lấy được đất đai của họ!

Tôi đã đọc bài tham luận của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đọc trước Mặt Trận Tổ Quốc tại Hà Nội vào năm 1956 (bài tham luận này do cụ Hoàng Văn Chí ghi lại trong tập sách TRĂM HOA ĐUA NỔ TRÊN ĐẤT BẮC xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1959), tôi chỉ thấy ông Nguyễn Mạnh Tường nêu những sai lầm trong thủ tục tố tụng của chiến dịch cải cách ruộng đất chứ ông không nêu hành động cướp của giết người của HCM và Đảng CSVN. Tới năm 1993 (nghĩa là 37 năm sau) , khi ông sang Pháp gặp lại bạn bè cũ, người ta hỏi sao ông không lên án Đảng CSVN ? Thì ông trả lời ông là Luật Sư chứ không phải là CÔNG TỐ VIỆN !!!

Tôi kết luận : ông Nguyễn Mạnh Tường là nhà khoa bảng chứ không phải là nhà trí thức.

Với chiều hướng rõ rệt như vậy, Bắc Việt càng ngày càng có khuynh hướng ngả hẳn về phía Trung Cộng, điển hình nhất là Trung Ương Đảng CSVN trở lại với thủ đoạn Cách Mạng Bạo Lực được thực thi vào tháng 5 năm 1959. Tiếp theo đó vào tháng 5 năm 1960, CSVN và lãnh tụ của CSTQ đã mở cuộc thảo luận tại Hà Nội và Bắc Kinh về những sách lược xâm chiếm miền Nam. Cùng khoảng thời gian đó, Hà Nội chính thức thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng như chính thức thành lập Đoàn 66 (bí danh của Binh Đoàn Trường Sơn chuyên tạo tác cái mà họ che dấu dưới danh xưng “Đường Mòn Hồ Chí Minh” khởi đầu từ Quảng Bình xuyên qua miền Trung và Nam của nước Lào xuống tận vùng Ba Biên Giới để chuyển binh sĩ, vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng xâm lược Việt Nam Cộng Hòa.

Hoa Kỳ biết rõ là chính sách Ấp Chiến Lược của ông Ngô Đình Nhu sẽ không hiệu quả khi đất nước VNCH có dãy Trường Sơn tiếp giáp với 2 láng giềng quá yếu kém về mặt quân sự là nước Lào và Cambodia. Bắc Việt đã sử dụng “Đường Mòn Hồ Chí Minh” xuyên qua lãnh thổ nước Lào và Cambodia như là xa lộ của riêng Bắc Việt : chính sách Ấp Chiến Lược chỉ hữu hiệu đối với quân du kích chứ không hữu hiệu đối với quân ngoại nhập như quân Bắc Việt. Ngay từ đầu thập niên 1960, chính phủ Hoa Kỳ đã đánh tiếng với Tổng Thống Ngô Đình Diệm để xin phép quân chính quy của quân đội Hoa Kỳ vào chiến đấu trực tiếp tại chiến trường VN. Như chúng ta đều biết anh em của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu cực lực bác bỏ lời đề nghị này viện dẫn nếu quân đội Mỹ vào Nam Việt Nam thì chính nghĩa chống Cộng sẽ bị lu mờ và chiến tranh sẽ mở rộng thì dân chúng Việt Nam sẽ điêu linh khổ sở.

Năm 1960, chính trường nước Lào xảy ra lộn xộn, tướng Khong Le (nguyên là Đại Úy trong quân đội Pháp) đem lực lượng vũ trang vào Vientiane (Vạn Tượng) đảo chính chính phủ, phe trung lập do hoàng thân Souvana Phouma chỉ còn giữ được vùng Vạn Tượng và miền Trung nước Lào giáp với Thailand. Phía Bắc nước Lào phe Pathet Lào do hoàng thân Souphanouvong (ông này có vợ là người Việt Nam) lãnh đạo chiếm giữ Luang Prabang và Paksé. Phía Nam Lào do phe hữu chiếm giữ với tướng Phoumi Nosavan và tướng Kouprasit Abhay lãnh đạo. Hoa Kỳ biết rõ đây chỉ là bước đầu của Trung Cộng để mở rộng chiến tranh toàn vùng Đông Nam Á, cho nên thu xếp các phe phái ngồi vào bàn thương nghị để rồi sau đó cùng nhau ký bản Hiệp Định Geneve 1962 về Lào. Trong bản Hiệp Định Geneve 1962, vua Lào vẫn là Quốc Trưởng nhưng chính phủ liên hiệp gồm 3 thành phần do Hoàng thân Souvana Phouma (phe trung lập) làm Thủ Tướng, hoàng thân Souphanouvong (phe Cộng Sản Pathet Lào) làm Phó Thủ Tướng, hoàng thân Boum Uom (phe hữu) làm Phó Thủ Tướng.

Theo lời thuật lại của sĩ quan Nguyễn Khắc Bình (sau này là Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình cầm đầu ngành Tình Báo của VNCH), trước khi ký Hiệp Định Geneve 1962 về Lào, ông Ngô Đình Nhu đã có cuộc nói chuyện dài 3 tiếng đồng hồ với Averell Harriman (nhân vật số 2 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ). Theo như tiết lộ của nhà báo Lữ Giang (bút hiệu của Thẩm Phán Nguyễn Cần) ông Ngô Đình Nhu không đồng ý về việc thành lập chính phủ liên hiệp tại Lào, ông nói Bắc Việt chắc chắn sẽ vi phạm nền trung lập của Lào và đem quân đội vào tấn công VNCH. Ông Ngô Đình Nhu còn nói rằng chính phủ Kennedy không có kinh nghiệm gì với Cộng Sản nên nước Lào sẽ rơi vào tay Cộng Sản trong tương lai gần.

Hầu như tất cả chính trị gia tại Sài Gòn đều đồng ý với nhận định của ông Ngô Đình Nhu, nhưng VNCH không có ảnh hưởng gì đối với Hoa Kỳ nên Hiệp Định Geneve 1962 đã được ký kết. Vào năm 1988, khi dịch quyển NO MORE VIETNAMS của tác giả Richard Nixon tại trại tỵ nạn Phanat Nikhom – Thailand,, Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu lại có nhận định hoàn toàn trái ngược với nhận định của chính ông hồi 1960 – 1962 : Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu nói Hoa Kỳ không thể ngang nhiên tấn công quân Cộng Sản trên lãnh thổ BV được, cho nên thỏa thuận ký Hiệp Định Geneve 1962 là mở đường cho quân BV kéo vào Nam (qua xa lộ Hồ chí Minh) nằm trên lãnh thổ của Lào.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu đương nhiên hiểu rằng chiến tranh sẽ mở rộng ra toàn cõi Đông Dương, Tổng Thống NĐD và ông Ngô Đình Nhu thiếu hẳn tin tức tình báo toàn vùng Đông Nam Á nên cũng không bao giờ thắc mắc tìm hiểu lý do chính đáng tại sao Hoa Kỳ cần đem quân đội vào VN trực tiếp đối đầu với quân Cộng Sản ? Cũng có thể 2 anh em ông còn nghi ngờ rằng nếu chiến tranh xảy ra quy mô lớn thì đó là cơ hội cho Hoa Kỳ tiêu thụ vũ khí còn thặng dư từ hồi đệ nhị thế chiến. Tuy vậy vấn đề chính yếu là tình báo Hoa Kỳ đã có bằng chứng là Trung Cộng tung cán bộ vào Nam Dương để cướp chính quyền. Nếu âm mưu của Trung Cộng thành công thì các quốc gia đồng minh của Hoa Kỳ sẽ rất khốn đốn, điển hình là Malaysia, Thailand, Singapore, Philippines, Australia, New Zealand... Hai anh em Tổng Thống Diệm còn suy nghĩ theo đường lối của Tổng Thống De Gaulle là muốn Trung Lập Hóa VNCH để tránh chiến tranh. Tình báo Hoa Kỳ đã thu thập được những chỉ dấu là anh em của ông có tiếp xúc với Bắc Việt (qua Phạm Hùng và qua nhà ngoại giao Manelli của Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến).

Hoa Kỳ đã gửi message 4 lần để anh em của ông ra đi nhưng bị phớt lờ (nhóm Caravelle đòi cải tổ chính trị, cuộc đảo chính “giả tạo” ngày 11 tháng 11 năm 1960, cuộc oanh tạc của 2 phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử, vụ Phật Tử biểu tình xuất phát từ Huế rồi lan rộng vào Sài Gòn) . Sau chót chính phủ Hoa Kỳ gửi “chuyên viên đảo chính” Henry Cabot Lodge qua Sài Gòn làm Đại Sứ. Sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963, đại sứ Lodge nói chuyện với Tổng Thống Diệm rằng “nếu cần một chỗ để ra đi thì hãy gọi cho tôi, những việc khác xin đừng gọi”. Tổng Thống Diệm đã không gọi cho Đại Sứ Lodge mà ông dùng điện thoại gọi vào Bộ Tổng Tham Mưu, rồi ngay sau đó 2 anh em ông bị giết, tôi cho rằng rất đáng tiếc vì Tổng Thống Diệm có thể tránh được tai họa nói trên.

Phẩm bình về chuyện 2 anh em ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu “lạng quạng” để rồi bị giết, lúc còn sinh thời, Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu cho rằng cả 2 ông ngây thơ về vị trí TRUNG LẬP trong chính trị, muốn TRUNG LẬP, quốc gia đó phải thực hùng mạnh vượt trội hơn các quốc gia xung quanh. Còn nếu là quốc gia nhỏ bé yếu hơn thì các cường quốc chung quanh “cho phép” trung lập thì mới trung lập được. Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu đưa ra 2 thí dụ điển hình : ở Âu Châu có 2 quốc gia nhỏ bé là Thụy Sĩ và



Belgium. Thụy Sĩ nằm giữa các đại cường như Pháp, Italia, Đức và Áo, các cường quốc “cho phép” Thụy Sĩ được “trung lập” vì nếu có chiến tranh, binh đội của họ không cần băng qua Thụy Sĩ. Và lại nhờ được phép trung lập nên các ngân hàng của Âu Châu có thể “giao hoán” qua lại với nhau dễ dàng. Mặt khác các phe phái đối nghịch nhau có thể dùng đất Thụy Sĩ để hoạt động tình báo và thương thảo trước khi tiến tới ký Hòa Ước với nhau.

Nước Belgium nằm giữa các đại cường như Pháp, Anh, Nga, Đức. Belgium không được các đại cường cho phép Trung Lập vì vị trí địa dư của nó : đầu thế kỷ 19 nếu Belgium trung lập thì làm sao quân đội Anh quốc có thể đổ bộ tiến đánh quân đội Pháp của hoàng đế Napoleon được, ngược lại quân Pháp cũng không thể làm gì được quân đội Anh nếu không kéo quân xuyên qua nước Belgium, quân của hoàng đế Napoleon bị thua liên quân Anh, Nga, Phổ (tiền thân của nước Đức) tại địa danh Waterloo trên đất Belgium. Tới thời đệ nhị thế chiến, quân đội của Hitler tấn công Belgium và Hòa Lan vì 70 sư đoàn bộ binh và thiết giáp của Đức khó lòng vượt qua được chiến lũy Maginot, chiến lũy này được phòng thủ bằng nhiều đại pháo 400mm đặt trên xe lửa.

Ông Ngô Đình Nhu không hiểu biết về khả năng ghê gớm của Hoa Kỳ, ông đánh giá Hoa Kỳ mạnh cỡ ngang với Pháp hay Anh là cùng, ông quên rằng Trung Cộng to lớn và hung hăng cỡ nào, nhưng Hoa Kỳ khi dễ (coi thường) và trấn áp Trung Cộng suốt mấy chục năm mà Trung Cộng không làm gì được. Huống hồ ông nghĩ rằng VNCH và anh em ông có thể “ngăn cản” được Hoa Kỳ trên bàn cờ Đông Nam Á. Sự ước tính sai lầm đó đã khiến 2 anh em của ông bỏ mạng ngay tại Sài Gòn vào ngày 2 tháng 11 năm 1963.

Chuyện đảo chính “hụt” vào ngày 11 tháng 11 năm 1960 bên ngoài là do Đại Tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu, nhưng thực chất là do Trung Tá Vương Văn Đông và Trung Tá Nguyễn Triệu Hồng lãnh đạo dưới sự chỉ đạo chính trị của Luật Sư Hoàng Cơ Thụy (2 ông Vương Văn Đông và Nguyễn Triệu Hồng là anh em “cọc chèo” vì 2 bà vợ của 2 ông là chị em ruột và gọi Luật Sư Hoàng Cơ Thụy là cậu ruột). Báo chí và dư luận quần chúng gọi là “đảo chính hụt” vì cuộc binh biến này chỉ gây xáo trộn nhỏ trong vài ngày rồi thành phần lãnh đạo như Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, Trung Tá Vương Văn Đông, Thiếu Tá Phạm Văn Liễu, Thiếu Tá Nguyễn Huy Lợi...v.v...v được đại úy Phan Phụng Tiên lái vận tải cơ C-47 bay tuốt qua Nam Vang tỵ nạn chính trị. Riêng giới chức về tình báo an ninh cho biết đây là cuộc “đảo chính giả” do CIA dàn dựng để hù dọa Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Đại Tá Trần Thiện Khiêm trước khi kéo quân từ sư đoàn 7 về Sài Gòn “cứu giá” Tổng Thống Diệm đã gọi điện thoại hỏi ý kiến trùm CIA tại Sài Gòn, ông này nói coup đảo chánh này chỉ để hù dọa mà thôi, cứ đem quân về Sài Gòn không sao cả.. Tin này về sau năm 1975 do chính Thiếu Tá Nguyễn Khắc Bình- Tham Mưu Trưởng của Sư Đoàn 7 Bộ Binh, đứng cạnh Đại Tá Tư Lệnh nghe rõ cuộc điện đàm, xác nhận : các thủ lĩnh quân đội thì CIA sắp xếp lên máy bay C-47 bay qua Nam Vang, còn Luật Sư Hoàng Cơ Thụy thì được c đưa qua Pháp bằng valise ngoại giao của Tòa Đại Sứ Pháp .

Sau coup đảo chính hụt này, giới chức an ninh mật vụ của chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giữ rất nhiều đảng viên của các đảng phái chính trị như VNQDD, Đại Việt QĐĐ, Dân Xã Đảng, cũng như tất cả những người đã ký tên trong bản kiến nghị của nhóm Caravelle. Ông Nguyễn Văn Lực, một thủ lĩnh của VNQDD cũng bị bắt, nên con trai của ông Lực là Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử, phi công khu trục AD-6 đã cùng với

Trung Úy Phạm Phú Quốc oanh tạc Dinh Độc Lập vào ngày 27 tháng 2 năm 1962. Người viết không viết vào đây những chi tiết của cuộc oanh tạc này, nhưng nêu ra những ẩn khuất mà ít ai được biết :

## Ông Nguyễn Văn Lực là người Công Giáo, chính ông là người đã che dấu ông Ngô Đình Diệm vào năm 1945 tại Hà Nội khi Hồ chí Minh mới lên nắm chính quyền.

## Thấy cha của mình bị mật vụ bắt giữ, nên Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử cảm thấy bản thân cũng sắp bị bắt giữ nên ông “ra tay trả đũa trước”. Việt Nam QĐĐ không lập kế hoạch để ông Nguyễn Văn Cử hành động, Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh không trả lời được những câu hỏi của Khối An Ninh là tại sao lại để “đối tượng đáng nghi ngờ” vẫn được bay ? Như chúng ta biết, thời gian ngắn sau đó, Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh từ chức Tư Lệnh Không Quân và xin đi du học về không gian tại Hoa Kỳ .Tân Tư Lệnh Không Quân là Đại Tá Huỳnh Hữu Hiền, Đại Tá Huỳnh Hữu Hiền giữ chức Tư Lệnh Không Quân cho đến sau ngày 1 tháng 11 năm 1963 thì bị Đại Tá Nguyễn Khắc Mai thay thế.

## Trun Úy Phạm Phú Quốc người Quảng Nam, được đồn đại là đảng viên QĐĐ (nhưng không thấy phía VNQĐĐ xác nhận) ngày 27 tháng 2 năm 1962 lại không phải là phi tuần trưởng (vì Không Quân căn cứ vào giờ bay liên tục, nên mặc dù cấp bậc nhỏ hơn nhưng Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử làm phi tuần trưởng bởi Trung Úy Phạm Phú Quốc mới trở lại bay sau kỳ nghỉ phép). Kế hoạch oanh tạc Dinh Độc Lập chỉ có một mình Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử biết nên khi nhào xuống để xạ kích thì Trung Úy Phạm Phú Quốc không bắn một viên đạn nào cả và khi bay lên ông cũng không bấm nút thả bom . Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử bay theo sau nhào xuống xạ kích vào Dinh Độc Lập và khi bay lên ông mới bấm nút thả bom. Cả 2 phi cơ đều bị trúng đạn phòng không của Hải Quân từ Bến Bạch Đằng và sông Sài Gòn bắn lên, nhưng phi cơ của Trung Úy Phạm Phú Quốc bị rơi trên sông Sài Gòn gần cầu Bình Lợi, ông nhảy dù ra ngoài và bị bắt. Phi cơ của Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử cũng bị trúng đạn cao xạ nhưng ông cố bay tới phi trường Pochentong, người viết đã thấy hình chiếc phi cơ của Thiếu Úy Cử phải đáp bằng bụng và cánh quạt thì cong vẹo ra phía ngoài

##Suốt thời gian bị bắt giữ từ 26 tháng 2 1962 đến khi được thả sau ngày 1 tháng 11 năm 1963,Trung Úy Phạm Phú Quốc không bị làm khó dễ vì khi được trục vớt lên từ sông Sài Gòn, phi cơ của Trung Úy Phạm Phú Quốc vẫn còn y nguyên bom đạn. Sau năm 1963, ông trở lại bay rồi vinh thăng lên Đại Úy rồi Thiếu Tá, tới năm 1965 ông lên Trung Tá chỉ huy phi tuần Skyraider AD-6 oanh tạc Vĩnh Linh thuộc Quảng Bình rồi bị bắn rơi tại đây : nhạc sĩ Phạm Duy đã sáng tác bản nhạc HUYỀN SỬ CA MỘT NGƯỜI MANG TÊN QUỐC để ca ngợi cố Đại Tá Phạm Phú Quốc. Nghe nói sau năm 2000, Đại Tá Phạm Quế Dương (ban Quân Sử của quân đội Bắc Việt) đã tới Vĩnh Linh cải táng cho ngôi mộ của Đại Tá Phạm Phú Quốc từ Vĩnh Linh đem về Quảng Nam. (Người viết có bức hình chụp Trung Úy Phạm Phú Quốc ngồi nói chuyện với Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu vào năm 1964)

## Thiếu Úy Nguyễn Văn Cử cũng trở lại bay sau ngày 1 tháng 11 năm 1963, tới năm 1967, ông vinh thăng tới cấp bậc Thiếu Tá rồi ông ra ứng cử trong Quốc Hội Lập Pháp vào năm 1967 tại đơn vị Nha Trang.. Ông tái đắc cử vào nhiệm kỳ hai 1971 – 1975, sau 30-4-1975, ông bị VC giam cầm trong các trại “cải tạo” trên 10 năm.. Sau năm 1993, ông định cư tại San José và làm việc trong Sở Xã Hội cho đến khi về hưu. Ông cũng qua đời tại thành phố San José cách nay vài năm.. Người viết cũng đã nhờ cựu SVSQ Không Quân là anh bạn Lê Hoàng Trung (làm việc cùng với cựu dân biểu Nguyễn Văn Cử tại Sở Xã Hội)

hỏi ông về việc ngày 27 tháng 2 năm 1962, chỉ có một mình ông xạ kích và thả bom vào Dinh Độc Lập, còn ông Phạm Phú Quốc thì không làm gì cả, phải không ? Anh bạn Lê Hoàng Trung cho hay là ông Nguyễn Văn Cử chỉ cười cười, không phủ nhận và cũng không xác nhận !

Mùa Phật Đản 1963 bắt đầu cho những biến động lớn tại Huế khi có những tin tức trái ngược nhau về việc một số Phật tử bị giết trước Đài Phát Thanh Huế, sau đó tới cuộc “tự thiêu” của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, Phật tử sôi sục biểu tình, tăng ni bị bắt, sau rút quân đội “đảo chính và lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm. Người viết không nêu chi tiết các diễn biến đó vì đã có quá nhiều sách vở film ảnh và tài liệu đề cập đến sự việc này, người viết chỉ nêu những ẩn khuất mà chế độ Ngô Đình Diệm bị mang tiếng oan không thể cải chính :

\*\*\* Phó Tỉnh Trưởng Nội An, Thiếu Tá Đặng Sĩ không thể chỉ huy thiết giáp, lực lượng Bảo An chỉ có xe bọc sắt loại auto blindé của Pháp để lại và chạy bằng bánh cao su chứ không chạy bằng xích sắt (cho đến năm 1975, lực lượng Địa Phương Quân các tỉnh cũng chỉ được trang bị loại xe bọc sắt V100 chạy bằng bánh cao su và có thể lội nước, được trang bị hỏa lực là 2 cây đại liên chứ không có canon). Sau 1963, Thiếu Tá Đặng Sĩ được minh oan vì chuyên viên chất nổ báo cáo rằng những Phật tử bị chết gần Đài Phát Thanh Huế là do lựu đạn nổ chứ không phải do hỏa lực của xe bọc sắt)

\*\*\* Ngày 11 tháng 6 năm 1963, nhà sư Thích Quảng Đức “tự thiêu” tại gần ngã tư đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng (gần Tòa Đại Sứ Cambode và trường trung học tư thục Nguyễn Khuyến của 2 giáo sư Bùi Hữu Đột – Bùi Hữu Sùng). Đây là một cuộc “dàn dựng” vĩ đại của CIA mà an ninh tình báo của chính quyền Ngô Đình không hề biết. Phe Phật Giáo tranh đấu cố tình ém nhẹm và che dấu xuất xứ cũng như vai trò của Trần Quang Thuận trong vụ “dàn dựng” này. Trần Quang Thuận là tục danh của Thích Trí Không, một tu sĩ Phật Giáo tại Huế được chính phủ VNCH cấp học bổng đi du học bên Anh, Trần Quang Thuận đã đậu văn bằng Master về Xã Hội Học. Sau đó cưới áo tu sĩ lấy vợ là con gái của chủ đồn điền trồng café tại Ban Mê Thuột là ông Tôn Thất Hối. CIA đã bàn luận với Trần Quang Thuận để dàn dựng kịch bản này. Chứng minh số 1: chiếc xe chở nhà sư Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng do Trần Quang Thuận lái và bảng số xe là của ông Tôn Thất Hối đứng tên. Chứng minh số 2 : nhà báo Malcolm Browne đã có mặt tại hiện trường và đã chụp được những bức hình nổi tiếng về cuộc tự thiêu, CIA và Trần Quang Thuận đã thông báo ngày giờ và địa điểm cho Malcolm Brown biết. Chứng minh số 3 : chỉ có hình ảnh nhà sư Thích Quảng Đức “được” CIA cho chụp hình và quảng bá rộng trên toàn thế giới, sau này Thích Trí Quang và nhóm lãnh đạo của “Phật Giáo tranh đấu” cho gần 10 nhà sư nữa “tự thiêu”, nhưng trên thế giới không ai biết cả !.

Trong những bức hình còn lưu trữ sau này, ngoài việc Trần Quang Thuận lái xe đưa nhà sư Thích Quảng Đức đến hiện trường, chính Trần Quang Thuận còn đưa một can xăng cho Nguyễn Công Hoan để tưới vào người nhà sư Thích Quảng Đức và chính Nguyễn Công Hoan bật quẹt mồi lửa chứ nhà sư Thích Quảng Đức không tự bật lửa (trong hình, Nguyễn Công Hoan mồi lửa từ vệt xăng chảy dài ra xa, cách nhà sư Thích Quảng Đức khoảng 5 – 7 thước)

\*\*\* Sau 30 tháng 4 năm 1975, Trần Quang Thuận và một số nhà sư tai to mặt lớn trong Giáo Hội Ấn Quang đào thoát khỏi nanh vuốt của VC như nhà sư Hộ Giác (phái Tiểu Thừa không có dùng chữ Thích

như dòng họ ), nhà sư Thích Mãn Giác...bị một số phật tử chất vấn là các ông chống Mỹ mà sao lại xin định cư ở Mỹ ? thì các nhà sư này trả lời bằng 2 chữ THIỆN TAI ! , ai muốn hiểu sao thì hiểu...

\*\*\* Trong vòng không đầy 24 giờ, những bức hình “tự thiêu” của nhà sư Thích Quảng Đức được loan truyền khắp thế giới làm dư luận Hoa Kỳ rúng động, đủ để chính phủ Hoa Kỳ tại Washington D.C. ra tay tiến hành kế hoạch lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngay cả phái đoàn của LHQ sang VN điều tra về việc chính quyền NĐDiệm đàn áp tôn giáo, mặc dù bản báo cáo kết luận rằng chính quyền NĐDiệm không có đàn áp tôn giáo và bản báo cáo chưa hoàn tất thì cuộc đảo chánh đã xảy ra.. Người viết có thể nói rằng cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 là để đáp ứng tính háo hức của quần chúng phật tử chứ không phải cuộc “thực thi công lý”. Nhưng chính quyền tại Wasington không “care” vì mục đích chính của họ là dẹp bỏ chướng ngại để đem đại quân vào VN làm chuyện hữu ích cho mục tiêu chiến lược của họ.

\*\*\* Cố tình tạo ra **Trái Tim Bất Diệt** để làm xiêu lòng các phật tử cuồng tín, hướng suy nghĩ của họ phải tin tưởng tuyệt đối vào Ban Lãnh Đạo của nhóm Phật Giáo Tranh Đấu. Dĩ nhiên những phật tử có trình độ hiểu biết thì không ai tin rằng “trái tim thật” là một phần của nhục thể (tức là protein là tổng hợp của carbohydrates, lại có thể là một vật thể bất diệt, ngay cả sức nóng của lò hỏa thiêu tới 3000 độ C cũng không hủy diệt được. Thế mà chỉ 5-7 năm sau, ngay cả Thích Huyền Quang, người cầm trái tim chụp hình cũng không biết “trái tim bất diệt” đang ở đâu trong thành phố Sài Gòn. Chả lẽ “trái tim bất diệt” của nhà sư Thích Quảng Đức quý giá tới độ bọn đạo chích quốc tế lấy cắp để bán đấu giá hay sao ? Mà cũng chả ai thắc mắc đến chuyện “trái tim bất diệt” biến mất : không một ai trong hàng ngũ lãnh đạo của GH Ấn Quang đề cập đến “sự việc thần thánh” này.

\*\*\* Phải chăng những diễn viên của kịch bản “hỏa thiêu nhà sư Thích Quảng Đức” đã được người Mỹ trả công xứng đáng theo đúng định luật “NHÂN QUẢ” của Phật Giáo ? Trần Quang Thuận làm Bộ Trưởng Bộ Xã Hội trong chính phủ của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ từ 1965 đến 1967. Sau đó tới năm 1971, trong kỳ bầu cử bán phần của Thượng Nghị Viện VNCH , liên danh HOA SEN do luật sư Vũ Văn Mẫu thụ ủy đã đắc cử, trong liên danh này có Trần Quang Thuận và bác sĩ Tôn Thất Niệm (con trai của ông Tôn Thất Hối) là thành viên. Riêng Nguyễn Công Hoan đắc cử dân biểu ở Hạ Nghị Viện , sau khi Đảng CSVN thống nhất 2 miền, Nguyễn Công Hoan đắc cử luôn chức Đại Biểu của Quốc Hội CHXHCNVN. Tới năm 1977, 3 nhân vật quan trọng của GH Ấn Quang trong Hạ Nghị Viện VNCH là dân biểu Trần Văn Sơn đơn vị Nha Trang (nguyên là Thiếu Tá HQ/VNCH), dân biểu Trần Văn Thung và dân biểu Nguyễn Công Hoan vượt biên đào thoát, cả 3 được tàu buôn của Nhật cứu vớt, nhưng không ai định cư ở Nhật mà sau đó được chấp thuận định cư ở Hoa Kỳ. Chỉ có một mình cựu dân biểu Trần Văn Sơn là tiếp tục hoạt động chính trị, tên bí danh chính trị và bút hiệu trong các bài báo là Trần Bình Nam. Còn ông Trần Văn Thung và Nguyễn Công Hoan thì im hơi lặng tiếng suốt từ 1977 đến nay. (2021)

Người viết cho rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu “bị giết” là thái độ do chính 2 ông CHỌN LỰA vì các lý do sau :

A. Ngày 21 tháng 8 năm 1963, Đại Sứ Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn nhậm chức, đây là “chuyên gia đảo chánh nổi tiếng” của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, vậy mà TT Diệm và Cố vấn NĐ Nhu không hề có kế hoạch chống đỡ.

B. Ngày 26 tháng 10 năm 1963, nhân dịp về Sài Gòn dự Lễ Quốc Khánh, Thiếu Tá Nguyễn Khắc Bình – đương kim Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) báo cáo với ông Ngô Đình Nhu là 5 ngày nữa sẽ có “đảo chánh”. Nghe xong ông ND Nhu cũng không có thái độ hay phản ứng “thích nghi”.

C. Ngay trong tối ngày 1 tháng 11 năm 1963, hai ông lên xe bảo tài xế chạy vào Chợ Lớn, không có cận vệ hay sĩ quan tùy viên gì cả. Ban đầu ngủ qua đêm tại nhà ông Mã Tuyên, rồi sáng ngày 2 tháng 11 năm, hai ông chuyển qua nhà thờ cha Tam, tôi không mô tả chi tiết ngày này vì mọi người đã biết rõ sự việc, điều người viết muốn nhấn mạnh là 2 ông không hề có “escape plan” (kế hoạch đào thoát)

D. Đại Sứ Cabot Lodge nói nếu cần một chỗ để ra đi thì hãy gọi, những chuyện khác xin đừng gọi. Tổng Thống ND Diệm sau đó gọi điện thoại vào Bộ Tổng Tham Mưu rồi sau đó 2 ông bị giết trên quãng đường từ nhà thờ cha Tam đến Bộ Tổng Tham Mưu.

Chính cá nhân người viết trong đoạn trên cũng đã từng viết “thật là đáng tiếc vì Tổng Thống Diệm có thể tránh được”, nhưng xét cho kỹ tôi thấy 2 anh em ông ND Diệm và ND Nhu đã làm đúng bởi lẽ :

@ Gọi cho Đại Sứ Lodge thì HK sẽ đưa 2 ông ra ngoại quốc an toàn, sống yên ổn cho đến khi chết vì lý do tự nhiên, nhưng 2 ông không gọi cho Đại Sứ Lodge vì đó là hình thức **ĐẦU HÀNG**.

@ Là người Công Giáo hai ông không thể tự tử (người Công Giáo quan niệm việc sống chết là do CHÚA định đoạt). Hai ông là những người lãnh đạo nước Việt Nam nhỏ bé trên bàn cờ Đông Nam Á, hai ông không đủ tài lực để đưa đất nước Việt Nam tránh khỏi chiến tranh đang vằn vữa xung quanh đất nước mình, thì hai ông đành chịu “**tuần tiết**” như các vị anh hùng anh thư tiền bối Trưng Trắc, Trưng Nhị, Trần Bình Trọng, Đặng Dung, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân... đã hành xử. Sau khi chết, nhục thân và nhục thể rồi sẽ tan biến cùng cây cỏ, nhưng **danh tiếng sẽ còn lừng lẫy sống mãi với dân tộc và lịch sử.**

Trường hợp 2 ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình bị giết thật là phù hợp với vế đáp của Ngô Thời Nhiệm :

***Dẫu thời thế, thế thời thì thế***

20 ngày sau, vào ngày 22 tháng 11 năm 1963 (Friday), Tổng Thống John Fitzgerald Kennedy bị ám sát bằng súng trường đặt trên lầu 5 bắn xuống xe của Tổng Thống Kennedy đang di chuyển chậm, viên đạn làm bể nát đầu của Tổng Thống Kennedy (chiếc xe chở Tổng Thống Kennedy là loại xe mui trần chứ không phải loại xe bít bùng như chúng ta thường thấy sau này, sự việc này xảy ra tại thành phố Dallas tiểu bang Texas

Xem video chiếu chậm cho thấy cảnh lúc TT Kennedy bị ám sát trúng đầu :

<https://www.youtube.com/watch?v=iU83R7rpXQY>

Ông bị bắn 2 phát súng trường, nhưng tài liệu ghi lại của bác sĩ Luật Y cho thấy phát súng thứ nhất xuyên cổ từ phía trước trở ra sau gáy. Phát súng thứ nhì lại trúng phía sau đầu vỡ tung hộp sọ ra phía trước thái dương và ông chết vì phát súng này. Lee Harvey Oswald bắn súng trường từ lầu 5, do vậy 2 phát

súng vừa nêu có đạn đạo bắn thẳng ngang dưới đất, chứ không phải là viên đạn từ súng của Oswald bắn từ lầu 5.

Ông Patric Nolan là chuyên viên giáo nghiệm vũ khí và chuyên viên về đạn đạo tuyên bố rằng có ít nhất 3 người nổ súng chứ không phải chỉ có một mình Lee Harvey Oswald.

Tổng Thống Lyndon Johnson nói :”I never believed that Lee Harvey Oswald acted alone; although I can accept that he pulled trigger” (Tôi không bao giờ tin rằng Lee Harvey Oswald đã hành động một mình, mặc dù tôi có thể chấp nhận rằng hắn đã bóp cò súng)

Hai ngày sau, Lee Harvey Oswald khi bị an ninh giải ra Tòa Án để xét xử thì một người đàn ông khác tên là Jack Ruby (chủ một hộp đêm) đã bắn ngay tim của Oswald và Oswald bị chết tại bệnh viện ngay sau đó. Jack Ruby tuyên bố ông ta bắn Oswald vì “tội nghiệp “ cho góa phụ Jacqueline Kennedy, đây là câu trả lời thường thấy trên film tình cảm của Holliwood ! Tưởng sao khoảng 4 tháng sau, nhà giam tuyên bố Jack Ruby bị chết vì mắc bệnh ung thư.

Vậy là 2 mắt xích quan trọng đã biến mất trên cõi đời này khiến công cuộc điều tra “tắc tị”, hồ sơ Warren bao gồm 2,800 trang, đọc xong ngay cả chuyên gia sử học và các nhà nghiên cứu cũng chẳng thể hiểu gì cả. Người ta tin là có CIA nhúng tay vào vì các biểu hiện như sau :

\*\*\* Tất cả hồ sơ tín dụng của Oswald đều biến mất, ngay cả những biên lai mua súng đạn, mua xe, vé ăn ở trú ngụ tại khách sạn cũng không có.(vì Oswald không phải cư dân của TEXAS)

\*\*\* Năm 1976, Quốc Hội Hoa Kỳ cho lập Ủy Ban Đặc Biệt để điều tra vụ ám sát TT Kennedy,mãi đến năm 1978 Ủy Ban này mới chính thức hoạt động. Allen Dulles (em trai của Ngoại Trưởng Foster Dulles đang là Giám Đốc CIA thời điểm đó, đã quyết định rút lại hồ sơ và giữ im lặng cho đến 2017. Ngay cả giám đốc FBI là Edgar Hoover cũng không thấy được nhắc nhở vì FBI là cơ quan điều tra tội phạm trong nội địa Hoa Kỳ. Như vậy có thể xem hệ thống dấu nhem các chứng cứ và triệt hạ những đầu mối đưa đến truy tìm ai là kẻ chính phạm là một hệ thống to lớn và quyền lực tối cao nên cả giám đốc CIA và giám đốc FBI đều im tiếng.

\*\*\* Ngày 26 tháng 10 năm 2017 (dưới thời Tổng Thống Trump), Cục Lưu Trữ Liên Bang Hoa Kỳ cho bạch hóa và công bố 2,800 trang tài liệu và các hồ sơ như băng thu âm, băng thu hình, lời khai..v...v... liên quan đến vụ ám sát giết chết TT Kennedy vào ngày thứ sáu 22 tháng 11 năm 1963.

Tuy nhiên vì có một số tài liệu rất quan trọng liên quan đến nền an ninh quốc gia nên Tổng Thống Donald Trump cho lệnh tạm thời chưa công bố để tiếp tục cân nhắc xem xét trong vòng 6 tháng (**Chú thích:** tới nay là tháng 11 năm 2021 nghĩa là hơn 4 năm kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 là ngày công bố hồ sơ mật đầu tiên, vẫn không thấy Cục Lưu Trữ Liên Bang công bố tiếp)

Xin xem video :Diễn tiến và những bằng chứng nghi ngờ vụ ám sát TT John F. Kennedy :

[https://www.youtube.com.watch?v=cDZweMXXY6Y](https://www.youtube.com/watch?v=cDZweMXXY6Y)

Năm 1968, ứng cử viên Đảng Dân Chủ là Thượng Nghị Sĩ Robert F. Kennedy (em trai của TT Kennedy là Bộ Trưởng Tư Pháp trong chính phủ của TT Kennedy) đang dẫn đầu trong các cuộc bầu cử sơ bộ, Ông đến California để vận động tranh cử, “người ta” sợ ông đắc cử Tổng Thống nên đã ra tay hạ sát ông ở vùng Los Angeles, hung thủ là Shirhan (một người gốc Palestine). Robert Kennedy bị giết, Shirhan bị kết án chung thân khổ sai, sau hơn 50 năm tù, người ta trả tự do cho Shirhan. Nhưng trước khi vào tù cũng như sau khi ra khỏi tù, Shirhan đều cam đoan là ông ta không phải là hung thủ bắn ông Robert Kennedy.

Người ta nghi ngờ các băng đảng tội phạm Mafia tại Mỹ như ở Miami, Chicago hoặc tại New Orleans đã nhúng tay vào vụ giết TT Kennedy và có sự hợp tác của CIA. Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu thì cho rằng TT Kennedy vì muốn đắc cử trong nhiệm kỳ 1964-1968 nên đã lập kế hoạch “bỏ chạy” khỏi Việt Nam để lấy phiếu của các phần tử chủ hòa, kế hoạch “bỏ chạy” khỏi Việt Nam có lợi ngắn hạn cho chính quyền Kennedy nhưng sẽ tàn phá kế hoạch đường đầu của Hoa Kỳ đối với Trung Cộng đang bầy trận để chiếm toàn vùng Đông Nam Á, nên “các thế lực chính trị của Hoa Kỳ” phải trừ khử ông,

Sau khi lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ cố tình xúi bẩy các ông tướng của VNCH tranh dành quyền, lực thi đua nhau kéo quân về Sài Gòn “chỉnh lý”, “đảo chánh” rồi “biểu dương lực lượng” ...biên cương bỏ ngõ khiến quân Bắc Việt tướng là ngon ăn , lũ lượt kéo các đại đơn vị vào Nam mở các trận đánh lớn trong năm 1964 và nửa năm 1965 chuẩn bị tiếp thu miền Nam để hoàn tất giấc mộng thống nhất đất nước bằng vũ lực. Chắc mọi người dân Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn nhớ đến các địa danh chiến sự nóng bỏng như Khe Sanh, A Sao, A Lưới, Gio Linh , Bến Hải, Ba Gia , Thạch Trụ, Dakto, Daksut, Toumorong, Pleime, Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giả...Cho đến khi Thủ Tướng Phan Huy Quát viết văn thư mời quân đội Hoa Kỳ vào VNCH để cứu viện nhằm chặn đứng sự sụp đổ của VNCH, thì chính Võ Nguyên Giáp phải ngạc nhiên là sao chính phủ Johnson đã tăng quân số Hoa Kỳ lên tới hơn nửa triệu binh sĩ ( trong khi trong phiên họp của Bộ Chính Trị Đảng CSVN tại Hà Nội vào năm 1964, Võ Nguyên Giáp trả lời Tổng Bí Thư Lê Duẩn là nếu Hoa Kỳ đem vào VN 10 vạn quân thì ( = 100,000 người) chúng ta khó có thể thắng).

Cùng thời điểm đó, Indonesia đã xảy ra biến động lớn, các sĩ quan quân đội Indonesia theo Cộng Sản đã đảo chính cướp chính quyền và đã giết một số tướng lãnh quân đội, tuy nhiên ngày hôm sau chưa kịp ăn mừng thì Tướng Suharto đem binh lính của Sư Đoàn của ông thuộc Quân Khu thủ đô Jakarta, bắt giữ tất cả các sĩ quan cầm đầu đảo chính rồi xử tử ngay không cần đem ra tòa án quân sự .Tiếp theo ông Suharto đoạn giao với Bắc Kinh , ra lệnh cho nhân viên ngoại giao Trung Cộng phải rời Indonesia trong vòng 48 tiếng. Trong vòng 01 tuần lễ sau đó, cảnh sát và lực lượng an ninh của Indonesia đã giết hơn ½ triệu đảng viên Đảng Cộng Sản Indonesia (từ Tổng Bí Thư Aidit cho đến các ủy viên cấp xã ấp ) theo danh sách đã thành lập từ trước.

Về phía VNCH, Thủ Tướng Phan Huy Quát kinh chống với Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu về chuyện ông viết văn thư mời quân đội Hoa Kỳ vào VN, thấy khó có thể làm việc chung với thành phần dân sự, ông Phan Huy Quát từ chức và mời các tướng lãnh ra nắm chính quyền. Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng trong chính phủ Phan Huy Quát , mời Hội Đồng Tướng Lãnh họp để nhận trách nhiệm thành lập chính phủ. Ngày 19 tháng 6 năm 1965, Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Thiếu Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ nắm giữ Chủ Tịch Ủy Ban

Hành Pháp Trung Ương và lập nội các với các Tổng Ủy Viên (tương đương với chức Phó Thủ Tướng), và các Ủy Viên đứng đầu các Bộ (tương đương với Tổng Trưởng hay Bộ Trưởng).

### **GIAI ĐOẠN BA (từ 1965 đến 1975)**

Năm 1964, khi chính phủ VNCH do Trung Tướng Nguyễn Khánh làm Thủ Tướng đã đón tiếp ông Robert Mac Namara đương kim Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng của chính phủ Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam. Nguyễn văn Trỗi , một đặc công nằm vùng của VC đặt bom định giết sập cầu Công Lý (tên cũ là cầu Mac Mahon mà nhiều người Việt dịch trại ra là cầu Mạc Má Hồng) để giết ông Mac Namara, nhưng cảnh sát khám phá được âm mưu này và sau đó Nguyễn văn Trỗi bị Tòa Án Quân Sự Mặt Trận kết án tử hình. Chắc chắn là ông Mac Namara trình bày kế hoạch quân đội Hoa Kỳ sẽ tiến vào VNCH để ngăn chặn quân Cộng Sản Bắc Việt và đương nhiên trình bày luôn phương cách (HOW) tiêu diệt quân BV. Thời điểm 1964, người ta đã nghe “Hàng Rào Điện Tử Mac Namara” nhưng vẫn chưa thấu hiểu tính năng và hiệu quả của “Hàng Rào Điện Tử Mac Namara” như thế nào .

Theo suy luận cá nhân của người viết, ngay cả Võ Nguyên Giáp và các tướng lĩnh chiến lược gia của Bắc Việt cũng không biết một chút gì về loại “vũ khí giết người hàng loạt ghê gớm này” cho nên quân đội Cộng Sản Bắc Việt đã chuyển vận một số rất lớn quân trang quân dụng và vũ khí đạn dược cũng như binh sĩ vào quanh vùng Sài Gòn như chiến khu C, chiến khu D, chiến khu Dương Minh Châu, mật khu Hát Dịch, mật khu Bời Lời... Họ đi theo ngả nào ? Từ vùng đất của Cambode như mật khu Ba Thu , như mật khu Mỏ Vẹt (bên kia biên giới Việt Miên của các tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, Tây Ninh.

Trận Bình Giả vào tháng 12 năm 1964 đã chứng minh được rằng Ấp Chiến Lược của ông Ngô Đình Nhu không hữu hiệu với chủ lực quân BV khi quân Cộng Sản từ bỏ chiến tranh du kích để bước qua vận động chiến quy ước. Theo tài liệu còn lưu trữ, gần 2,000 tay súng của Nhân Dân Tự Vệ trong làng Bình Giả cùng 2 trung đội Bảo An đóng bên ngoài làng không thể đương cự với lực lượng tấn công lên tới 7,000 người (với vũ khí cộng đồng và vũ khí nặng như trọng pháo ) do Tư Lệnh Trần Đình Xu và Chính Ủy Lê Văn Tường chỉ huy. Bộ Tư Lệnh quân đoàn III đã tăng viện cho chiến trường Bình Giả tiểu đoàn 30 BĐQ, chi đoàn 3 của Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh, tiểu đoàn 4 TQLC, tiểu đoàn 38 BĐQ , rồi thêm tiểu đoàn 33 BĐQ. Các đơn vị vừa nói trên đều bị tổn thất nặng như Thiếu Tá Nguyễn Văn Nho Tiểu Đoàn Trưởng tiểu đoàn 4 TQLC bị tử thương, đại đội phó là Đại Úy Hoán bị thương nặng, Tiểu Đoàn Trưởng và một Đại Đội Trưởng của tiểu đoàn 33 BĐQ cũng bị tử thương, Chi Đoàn Trưởng của chi đoàn 3 Kỵ binh thuộc Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh bị tử thương cùng hơn một nửa thiết vận xa của chi đoàn bị phá hủy.

Sau cùng quân đoàn III dùng trực thăng vận đưa 3 tiểu đoàn nhảy dù đó là: tiểu đoàn 1ND, tiểu đoàn 3 ND và tiểu đoàn 7 ND xuống phía Đông Bình Giả đánh thẳng vào mật khu Hát Dịch để càn quét cộng quân, nhưng quân địch lẩn tránh.

Ngày 8 tháng 3 năm 1965, do sự yêu cầu của Thủ Tướng Phan Huy Quát, 3500 TQLC Mỹ đổ bộ vào Chu Lai mở đầu cho cuộc chuyển quân vĩ đại của quân đội Hoa Kỳ vào VNCH. Người viết gọi là cuộc chuyển quân vĩ đại của Hoa Kỳ vì vào thời đệ nhị thế chiến, mặt trận Âu Châu Hoa Kỳ chỉ sử dụng khoảng 200,000 quân. Cùng thời điểm đó, tại mặt trận Á Châu, Hoa Kỳ cũng sử dụng khoảng 200,000 quân. Vài năm sau đệ nhị thế chiến, tại mặt trận Triều Tiên, Hoa Kỳ cũng chỉ sử dụng có 250,000 quân đối đầu với



vài trăm ngàn quân của Kim Nhật Thành và một triệu chí nguyện quân Trung Cộng do nguyên soái Bành Đức Hoài chỉ huy.

Ngay sau khi quân đội HK chiến đấu trực tiếp tại chiến trường miền Nam VN, dân chúng Sài Gòn mới được biết chấn động” bom chùm” từ các phi cơ oanh tạc chiến lược B-52 thả vào các chiến khu C, chiến khu D, chiến khu Dương Minh Châu, mật khu Bời Lời, mật khu Tam Giác Sắt...và trên màn ảnh truyền hình, người ta mới được thấy thả bom kiểu trải thảm. Những ai đã đọc các tác phẩm của nhà Xuân Vũ như quyển Đường Đi Không Đến, Xương Trắng Trường Sơn...thì mới hiểu là bom từ máy bay B-52 đã phá hủy và chôn vùi biết bao vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, lương thực, thuốc men và ngay cả binh sĩ quân đội Cộng Sản nữa (chính Trung Tướng Ngô Quang Trưởng khi còn là Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng tiểu đoàn 5 ND còn nhận xét là nếu quân đội HK không vào VN thì đến cuối năm 1965, Sài Gòn sẽ rơi vào tay quân Cộng Sản !). Một chứng cứ nữa là các trận oanh tạc của B-52 đã khiến Cục R phải chuyển toàn thể Cục R và đài phát thanh của MTGPMN chạy tuốt qua lãnh thổ của Cambodia “ở nhờ”.

Các kho tàng chôn dấu vũ khí, đạn dược, thuốc men và lương thực từ bao nhiêu năm tháng trước đó bị phá hủy cũng có nghĩa là quân ngoại nhập từ miền Bắc không thể vây hãm Sài Gòn và các thành phố lân cận bằng một cuộc vây hãm kéo dài vì các kho dự trữ an toàn đã phải di chuyển sang Cambodia, quân Bắc Việt tham chiến chỉ mang đủ đạn dược và lương thực cho các trận tập kích thành linh và chớp nhoáng rồi tháo chạy. Trong các năm 1966, 1967, Đại Tướng Williams Westmoreland mở các cuộc hành quân lớn chỉ với mục đích LỪNG và DIỆT như chúng ta thường nghe thấy (Những điệp viên của VC có thể dò hỏi được các cuộc hành quân của quân đội Hoa Kỳ và quân đội VNCH, nhưng giỏi lắm là chỉ giúp các lực lượng võ trang Cộng Sản “né tránh” được “các cuộc giao tranh, nhưng không thể di chuyển các kho tàng vũ khí, đạn dược, thuốc men và lương thực sang Cambodia được).

Sau khi dọn sạch “rác rưởi” Cộng Sản tại Indonesia, chính phủ Hoa Kỳ tìm cách “lui quân” ra khỏi Việt Nam vì chi phí tiêu tốn quá lớn. Nhưng rút lui như thế nào để thế trận chiến lược không bị tan vỡ? Cá nhân người viết tin rằng biến cố “CÁCH MẠNG VĂN HÓA 1966” tại Hoa Lục chắc chắn có bàn tay tình báo của CIA nhúng tay vào. : toàn bộ xã hội và đất nước Trung Hoa bị đảo lộn với số người bị đấu tố và bị giết hạ lên tới hàng triệu người. Kết quả trực tiếp là Trung Cộng từ bỏ xuất cảng cán bộ Cộng Sản ra ngoại quốc để rút về lục địa Trung Hoa “ổn định tình hình nội chính”.

Thời điểm 1967 cũng là thời thời điểm dân chúng Việt Nam bắt đầu nghe đến phong trào PHẢN CHIẾN với các khẩu hiệu trên TV Mỹ “American Go Home”, “GI withdrawn out”. Có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng phong trào PHẢN CHIẾN không hẳn là do quần chúng Hoa Kỳ tự phát mà phần lớn là do tình báo cao cấp của chính quyền Mỹ đứng hậu thuẫn phía sau. Dẫn chứng : chiến tranh Irak – Trung Đông khởi sự từ năm 2003 ( dưới thời Tổng Thống Bush con ) đến khi quân đội Hoa Kỳ triệt thoái toàn bộ binh sĩ ra khỏi Irak vào năm 2019 ( dưới thời Tổng Thống Donald Trump sau khi đã giết chết thủ lĩnh của tổ chức ISIS ) kéo dài hơn 16 năm mà không thấy phong trào PHẢN CHIẾN nào cả, trong khi chiến tranh tại Việt Nam thực sự quân đội Hoa Kỳ tham chiến từ tháng 3 /1965 đến 1967 mới có 2 năm mà phong trào PHẢN CHIẾN đã nổi lên rầm rộ um sùm, dĩ nhiên về mặt biểu kiến người ta cho rằng báo chí truyền thông cánh tả thổi phồng phong trào này qua các bài báo và truyền hình không có lợi cho VNCH. Theo ý kiến chủ quan của người viết, chính phủ Mỹ và truyền thông cánh tả chỉ là 2 mặt THIỆN và ÁC của vấn đề Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam.

CÒN TIẾP ----- CÒN TIẾP.....

**TÀI LIỆU THAM KHẢO :**

- 1/ Churchill and Roosevelt discuss war and peace, History.com.- Dịch giả Nguyễn Thị Kim Phụng
- 2/ Les Lecons De La Guerre D' Indochine , tác giả Đại Tướng Henri Navarre. –Trọng Đạt dịch và giới thiệu.
- 3/Vai trò Cộng Sản Trung Hoa trong Chiến Tranh Việt Nam 1954 – 1963, tác giả Qiang Zhai (trong nhóm Cố Vấn Quân Sự của Quân Đội Trung Cộng = Chinese Military Advisory Group – CMAG). Tài liệu này do Nhất Thanh tóm dịch.
- 4/Đằng sau Hiệp Định Paris, Mật Ước Nixon & Phạm Văn Đồng, tác giả biên soạn Bùi Anh Trinh.
- 5/ Hồi Ký Trần Quang Cơ (hoàn chỉnh ngày 22/5/ 2003) – Download từ [www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)
- 6/Chính Đề Việt Nam của Tùng Phong Ngô Đình Nhu.- Download từ <http://quanvan.net>
- 6/Tiếng Nói Từ Đệ Nhị Cộng Hòa Nam Việt Nam (1967 – 1975). Bản dịch Việt ngữ từ Nguyễn Bản Anh Ngữ Voices from the Second Republic of South Vietnam (1967 – 1975) với K.W. Taylor, Editor của Đại Học Cornell, Ithaca, New York, 2014.
- 7/Congressional Record – Tài liệu tuyệt mật của Tòa Bạch Ốc
- 8/ No More Vietnams, tác giả Richard Nixon, dịch giả Nguyễn Hữu Hiệu (dịch tại trại tỵ nạn Phanat Nikhom, Thailand năm 1988 và hoàn tất đánh máy tại Pomona, Nam California năm 1998)
- 9/L' aide de la Chine au Vietnam ( 1947 – 1954 ) : un aspect des relations franco-chinoises (Trung Cộng giúp đỡ Việt Minh 1947 – 1954 : Một khía cạnh trong liên hệ Pháp – Hoa của nhà Sử học Pháp Michel Bodin. Là bài viết đăng trên tạp chí quân sự Guerres Mondiales et Conflits Contemporains số 187 tháng 7 năm 1997.

**Chuyển Đến: Ngô Minh Hằng – Ngày 18/12/2021**

**[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)**



**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)



**TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7700 TÁC PHẨM**